

## PHẬT ĐẢNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI KINH SỐ TỊNH THÍCH CHÂN NGÔN NGHĨA

*Đại đức Sa-môn Pháp Sùng làm chủc Nội Cung Phụng  
Phiên kinh Chứng nghĩa giảng luận trụ chùa Đại Thánh  
Thiên Phước Pháp Hoa ở Thượng Đò soạn.*

### QUYỂN HẠ

*Quy y Phật Tỳ-lô-giá-na  
Đại thừa pháp tạng Đà-la-ni  
Các Thánh tăng Văn-thù, Phổ Hiền  
Nay con đành lễ nên cúi đầu  
Phàm ngu thức cạn không hiểu hết  
Theo văn khen ngợi thật hổ thẹn.  
Nguyện được che chở nhờ oai quang.  
Nay được tống trì đều giải thoát.*

Chúng sinh mê muội chẳng đồng, thức tánh muôn thứ khác nhau, mỗi người tùy theo chỗ dính mắc mà không gặp đường chân chánh, cho nên chìm đắm trong biển khổ, không có được phước báo tốt đẹp, do đó nên không diệt được họa. Sau đó, ngài Phật Đà-ba-lợi cảm kính Bồ-tát Văn-thù, trở về Tây Vực lấy được kinh này, ý nguyện đã thành, người trong nước đều biết. Phật Đảnh Tôn thắng là từ tạng bí mật Đà-la-ni mà có ra, trong chứng ngoài hộ, thần lực che chở, mỗi pháp tu hành từ sự truyền trao, khế ấn nghi quỹ, pháp môn Quán Đảnh, chỗ cầu nguyện đều khác nhau, trong ngoài che chở cũng nương vào năm luân, đó là đất, nước, gió, lửa, hư không. Cầu mong bốn việc đều được thành tựu, đó là phía Bắc tiêu tai ương, phía Đông tăng phước lợi, phía Nam hàng phục ma, phía Tây cung kính, dứt khổ sinh tử, chứng đại Bồ-đề, không trải qua tăng-kỳ mà được thành tựu mười pháp, Phật Đảnh là một trong số này, cho nên Kinh Phật Đảnh chép: Mười thứ là: kim luân, biện sự, biến chiếu, bạch tán, quang tụ, tồ toái, cao, Phật đảnh, tôn thắng v.v...

Vào niên hiệu Đại Lịch năm thứ mười đời Đường, Bảo Ứng Nguyên Thánh Văn Vũ hoàng đế, rải lòng từ bi thương xót các chúng

sanh, trong nước mưa hòa gió thuận, phúng tụng chân ngôn lưu thông trong nước, khiến kẻ hôn mê đều nhờ nhân duyên ở kệ vàng, phàm phu ngu xuẩn được câu tổng trì. Pháp Sùng tài tài hèn trí kém, dùng sự hiểu biết nhìn trời bằng ống mà phiên dịch bản văn chữ Phạm, trong ấy có những lời ý nhiệm mầu, công dụng không thể lường, từ xưa chưa dịch, người ngu chẳng thể soạn được lại, dám không thận trọng hay sao?

Nay giải thích chân ngôn này chia ra mười môn, một là môn Quy kính tôn đức, hai là môn Nói về pháp thân, ba là môn Dứt sạch đường ác, bốn là môn khéo nói về quán đảnh, năm là môn Thần lực gia trì, sáu là môn tuổi thọ thân dài, bảy là môn Định tuệ tương ứng, tám là môn Kim cương cứng dướng, chín là môn Phổ chứng thanh tịnh, mười là môn Thành tựu Niết-bàn.

-----

**Thứ Nhất: MÔN QUY KÍNH TÔN ĐỨC**

**“Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết rõ ý niệm của Đế-thích ưa nghe Phật nói pháp Đà-la-ni này, Ngài liền nói chú rằng ”**

Lời thuật chép: Đây là thứ tư Phật trả lời, gồm có hai: Phật biết tâm niệm, và trả lời bằng cách nói chú. Trên đây là phần đầu, trong đó nói Đà-la-ni.

“Năng-mô”, đời Đường dịch là Quy mạng.

**Giải thích:** Quy mạng là cúi đầu, khể là cúi, thủ là đầu, tức kính lễ Đức Thế Tôn, đầu cúi xuống đất nên gọi là cúi đầu, ba nghiệp cung kính, ý hiển bày ruộng phước, dứt bỏ ngã mạn, quy xuống cung kính khiến sinh điều lành. Lại nữa, năng-mô là kính lễ, quy mạng là nương tựa, quy là trở về nguồn cội, y khiến chứng thật. “Bà-nga-phước-đế”, đời Đường dịch là Thế tôn, Thế tôn là một trong mười danh hiệu, Bồ-tát vây quanh, trời người kính ngưỡng, thế gian không ai bằng, nên gọi là Tôn, có khả năng đối trị thế gian nên gọi là Thế tôn.

Kế là nêu thể, ba nghiệp lễ này, hai nghiệp thân ngữ, hai chỗ sắc thanh thuộc về hai giới, ý nghiệp lễ thì hành uẩn, pháp xứ, pháp giới tiểu phân làm tánh, cũng chung với trí hậu đắc, năm uẩn làm tánh. Định đạo vô biểu cũng thuộc ở đây, cho nên kiên thành gọi là kính, nghi quỹ gọi là lễ, dùng chung hai mươi hai pháp là năm biến hành, năm biệt cảnh, mười một món thiện, và ý làm tánh. Năm biến hành là: xúc, tác, ý, thọ, tưởng, tư. Năm biệt cảnh là: dục, thắng giải, niệm, định, tuệ. Mười một món thiện là: tín, tinh tấn, từ, quý, vô tham, vô sân, vô si, khinh án, bất phóng dật, hành xả, bất hại.

Lại nữa, ba nghiệp lễ, ý nói Đại sư có mắt trời là thân nghiệp lễ, có thể nhìn thấy, nếu ở chỗ tối thì dùng ngữ nghiệp lễ, bởi có thể nghe, nếu mắt, tai đều mất thì dùng ý nghiệp lễ, không thể thấy nghe. Lại nữa, có ba luân làm nhân, thân nghiệp lễ thì thân cảnh luân là nhân, ngữ nghiệp lễ thì giáo giới luân là nhân, ý nghiệp lễ thì ký tâm luân làm nhân.

Cho nên Kinh Niết-bàn chép: Thấy của các Đức Phật là pháp, bởi pháp là thường cho nên các Đức Phật cũng thường, thường là thể của pháp tác chân như Niết-bàn. Bồ-tát là năng quy, tu chứng dứt hoặc, Phật cũng là sở quy y, thuộc về trì nghiệp thích.

Vả lại như phạm phu, Bồ-tát địa tiền, ba nghiệp đều là hữu lậu, nếu lên Bồ-tát địa thượng, Thất địa trở xuống bản chất thân ngữ chỉ là hữu lậu, nếu hậu đắc trí biến khởi sắc thanh tức là tánh vô lậu. Nếu Bát

địa trở lên bản chất Bồ-tát cũng chỉ là hữu lậu, bởi thức thứ tám là hữu lậu cho nên tướng phần sở biến chẳng thuộc về vô lậu. Nếu ảnh tượng sắc thanh, thức thứ sáu nhóm chỉ là vô lậu, thì biến thân ngữ cũng chỉ là vô lậu. Nếu hành giả Chân ngôn tu trì ba mật giác ngộ nhất tâm, trở về cội nguồn, y mạng tu chứng, nhanh chóng thờ phụng tất cả Như-lai, xả thân dâng hiến. Ban đầu lễ Phật A-súc ở phương Đông, toàn thân gieo xuống đất dùng tâm lễ, chấp tay kim cương duỗi trên đảnh, nhờ thân ấn chân ngôn này nên liền được viên mãn tâm Bồ-đề. Kế là kính lễ Phật Bảo ngay tim, trán chấm đất, vì hiến thân này để thưa hỏi chỗ nhiệm mầu nên không bao lâu sẽ làm chủ ba cõi, vì cầu cúng dường xoay bánh xe pháp. Kế là kính lễ Phật Vô Lượng Thọ ở phương Tây, chấp tay kim cương để trên đảnh, để miệng sát đất kính hiến thân này, nhờ hiến thân này và thành kính thưa hỏi nên sẽ đồng với Đấng cứu thế xoay bánh xe pháp. Sau hết là kính lễ Bất Không Thành Tựu ở phương Bắc, vì cầu cúng dường yết ma cho nên chấp tay kim cương để trên trái tim, đảnh cúi sát đất mà kính hiến, nhờ hiến thân này nên thị hiện các thân. Lại nữa, lễ bốn phương này, phương nào cũng có chân ngôn khế ấn, ở chỗ Du-già-a-xà-lê học tập phải biết đầy đủ.

“Đát-lại-lộ-chỉ” đời Đường dịch là Tam thế, cũng dịch là tam giới.

**Giải thích:** Tam Thế, tam thời phần vị giả đặt tên gọi, niệm niệm đời đối đời trị là Thế. Tam giới, giới phân biệt khác nhau nên có ba cõi: cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô Sắc, có chín thứ hữu tình đồng ở. Dục, thiền, Bốn không, đường thọ sinh có khác nhau, chịu quả báo khác nhau, chỉ có Phật là đáng tối tôn vượt ngoài ba cõi. Ba cõi cùng trôi lăn sinh diệt không ngừng, thể như hư không, đâu ở cảnh huyền?

“Bát-la-đề-vĩ-thỉ-cầm-tra-dã”, đời Đường dịch là tối thù thắng.

**Giải thích:** Tam Hiền thập Thánh phần vị tu nhân, đức hạnh chưa tròn đủ nên không gọi là thù thắng, chỉ có Phật là bậc thượng thượng tôn quý không ai sánh bằng, nhân quả đầy đủ viên mãn nên gọi là Tối thù thắng.

“Một-đà-dã”, đời Đường dịch là Đại giác.

**Giải thích:** Phật tức là giác, ngã và pháp đã là không nên gọi là Đại. Thanh văn là tự giác, Bồ-tát là giác tha, các Đức Phật là giác hạnh viên mãn, nên gọi là Đại giác. Lại nữa, thể của chân ngôn này trong pháp giới chỗ nào cũng trùm khắp, nên gọi là Đại giác.

Hỏi: Đại giác trùm khắp rộng lớn chỉ có Phật là cùng tột nguồn gốc, người phàm đâu biết được mà chứng ngang với Phật.

Đáp: Phàm Thánh đều khác nhau, nhưng tâm sắc thì chẳng khác, do vọng cách tình liền sinh chấp hai. Nay từ ý mật quán kỹ Du-già, chân như bất sinh bất diệt, từ giác hướng về giác chẳng đứt quãng sự tu trì, nhất niệm tương ứng thì phàm Thánh đồng nhau. “Bà-già-phước-đế”, đời Đường dịch là Thế tôn.

**Giải thích:** Thế tôn tức đầy đủ sáu nghĩa tự tại, mạnh mẽ và trang nghiêm v.v... Lại nữa, Bạt-già là phá, phước-đế là người, như người tiếp chiến khéo hiểu các mưu lược trong quân đội để đối địch, nên nói là năng phá, bởi hàng phục bốn ma, có thế lực lớn, ngồi tòa Bồ-đề nên gọi là bà-nga-phước-đế.

### -----

### **Thứ Hai: MÔN NÓI VỀ PHÁP THÂN**

“Đát-nễ-dã-tha”, đời Đường dịch là sở vị (cái gọi là), cũng dịch là tức nói.

“Án”: Đời Đường dịch là nghĩa tam thân, cũng dịch là tất cả pháp bất sinh, cũng dịch là đánh tướng Vô kiến.

**Giải thích:** Chữ Án là chữ bí mật không thể phiên dịch, dùng tiếng hiểu ý gồm thêm giải thích thì có nghĩa là ba thân. Một là thanh A, tức tất cả pháp bất sinh, hai là thanh ô, tức trôi chảy phân biệt, ba là thanh ma, tức nghĩa là từ bi giáo hóa v.v...

Lại nói rằng: Nghĩa “Không” liên hợp với ba thanh này nên gọi là Án. Cái gọi là tất cả pháp bất sinh vốn là pháp thân, phân biệt là báo thân, từ bi là hóa thân, nên gọi là đánh tướng Vô kiến.

Lại, nghĩa của ba thân, như Kinh Kim Quang Minh nói: Một là hóa thân, hai là ứng thân, ba là pháp thân. Luận Phật Địa chép: Thân pháp tánh, thể là thường hằng bất biến, chẳng phải giả lập, chẳng phải như các thân khác do nhóm hợp mà thành, là chỗ y chỉ của pháp công đức lớn, mười lực, bốn vô úy v.v... gọi là pháp tánh, nghĩa nương nhóm của thân thể gọi chung là Thân, pháp tánh tức là thân thuộc về trì ng-hiệp thích.

Báo thân: Là nói thân thọ dụng có khả năng khiến cho tha thọ dụng các thứ đại pháp lạc. Luận Thành Duy Thức chép: Thân tự thọ dụng sẽ tự thọ dụng pháp lạc rộng lớn, thân tha thọ dụng là chúng thập Địa hiện thần thông nói pháp, giải quyết các nghi khiến tha thọ dụng. Hóa thân: Là lợi lạc chúng sinh, thị hiện các việc biến hóa, chuyển đổi

thân cũ, biến không hiện hữu, biến hóa cảnh nhiều dị thân, gọi là việc biến hóa. Lại giải thích: Tu hành nguyện mãn không đợi thời gian, nơi chốn, tùy loại chúng sinh mà hiện thân trong năm đường, nên gọi là Hóa thân.

Lại nữa, dứt hẳn hoặc chướng thì hiện được ứng thân, nghiệp chướng sạch hết thì hiện được pháp thân, nường vào hư không phát ra điện, nường điện phát ra ánh sáng, nường pháp thân phát ra ứng thân, nường ứng thân phát ra hóa thân.

Hỏi: Ba thân đã như vậy, ý nghĩa về cõi ra sao?

Đáp: Cõi pháp tánh, chẳng thuộc về sắc, không thể nói hình lượng lớn nhỏ, nhưng nường sự tướng vô lượng vô biên, thí như hư không trùm khắp mọi nơi. Trong báo độ lại chia làm hai: Cõi tự thọ dụng là Bồ-tát Thập địa sinh về tầng trời Đại Tự Tại, có mười tướng quả, hiện ra tòa hoa sen báu lớn, chung quanh như số cát bụi của ngàn A-tăng-kỳ trăm ngàn muôn Tam thiên Đại thiên thế giới. Bồ-tát Thập địa lên địa vị Chánh giác đã thành cõi Phật, chúng sinh trang nghiêm tùy cõi pháp tánh mà lượng cũng vô biên, lượng cõi thọ dụng cũng vô biên, cõi thọ dụng tùy theo chỗ an lập của Bồ-tát Thập Địa mà hiện lớn nhỏ.

Bồ-tát Sơ địa ngồi hoa sen trăm cánh, ngũ trăm pháp minh môn, trăm cõi nước Phật, một cõi nước Phật Tam thiên thế giới. Bồ-tát Nhị địa ngồi hoa sen ngàn cánh, cho đến bậc Thập địa, cõi thọ dụng không nhất định, hoặc ở các tầng trời Tịnh Cư thuộc cõi Sắc, hoặc ở phương Tây. Lại nữa, cõi pháp tánh đồng với chỗ chứng của tất cả Như-lai, thể chẳng khác nhau, cõi tự thọ dụng tuy tất cả Phật khác nhau, nhưng đều là vô biên chẳng chướng ngại nhau. Ngoài ra hai cõi Phật tùy theo chỗ hóa hữu tình của các Như-lai mà đồng thời, đồng xứ. Mỗi Đức Phật biến ra cõi nước, hình dạng tương tự nhau, không chướng ngại nhau, chuyển thành duyên tăng trưởng, khiến sinh ra sở hóa, tự thức biến hiện, nghĩa là ở một cõi có một Phật, hiển bày thần thông, nói pháp lợi ích, như chúng sinh ở cõi này nên nghe sự giáo hóa của Đức Thích-ca, Di-đà giáo hóa, các hữu tình từ thời vô thủy đến nay đều hệ thuộc nhau, hoặc nhiều thuộc một, hoặc một thuộc nhiều, cho nên người thực hành chân ngôn, chữ Ấn gia trì thâm nhập du-già, đều tu ba mật, tức ngang bằng nhiều thân, gọi là nghĩa ba thân của Tỳ-lô-giá-na. Lại giải thích: Chữ Ấn nghĩa là quán đánh, như dòng Sát-lợi rưới nước trên đầu vua, lúc muốn lên ngôi thì lấy nước ở bốn biển lớn, dùng hương hoa bảy báu trang sức để quán đánh, mới gọi là Nhiều Đầu Vương. Nay đây Phật đánh là pháp quán đánh của tất cả Như-lai, có vô lượng nghĩa, tất cả

quỷ thần, trời, rồng, Phạm vương, Đế-thích nghe thấy đều quy y, lìa các tai nạn, đều phát tâm lành, thích nghe chánh pháp.

Hỏi: Đà-la-ni là mật chú từ xưa không dịch, nay sao có lời giải thích này?

Đáp: Tiếng Phạm rất nhiệm mầu, thông ngữ rất rộng; trời, rồng, tám bộ trong cõi Dục, cõi Sắc, cùng các loài ở Diêm-phù-đề, Uất-đơn-việt, nghe đều lãnh hội, các trời càng sinh tâm vui mừng. Nếu phiên dịch câu này thì tạp ngữ thông trì, hạn cuộc ở một phương, các trời lãnh ngộ, bởi ở đây Phật dạy thâm độ chúng sinh, nhiếp thọ che chở chuyên tâm Phạm tụng. Nay chỉ phiên dịch nghĩa cú giúp chúng sinh hiểu được, tụng trì tiếng Phạm không thể dời đổi, nghĩa là chân ngôn này pháp như vậy thành tựu nghĩa đế đệ nhất, mong sinh lòng tin sâu chớ hiểu khác, âm như vắng mặt trời chỉ nhờ ánh sáng mà được dụng chiếu, không thể chú âm, nên chuyên tâm lãnh thọ.

### -----

### **Thứ Ba: MÔN DỨT SẠCH ÁC THÚ**

“Vĩ-mậu-đà-dã”: Đời Đường dịch là thanh tịnh.

Giải thích: trừ sạch, mê do hai chướng mà có quả khổ vô cùng, trì chân ngôn này, nương sâu chắc chắn sẽ được trừ diệt.

“Sa-ma-tam-mãn-đa-phước-bà-sa”, đời Đường dịch là phổ biến chiếu diệu.

“Sa-phả-la-noa”, đời Đường dịch là thư biến.

**Giải thích:** Gia trì chữ Án trừ sạch được hai chướng phiền não và sở tri, thần lực ánh sáng chiếu soi khắp nơi, chỉ vì hữu tình nghiệp nặng không gặp chân ngôn, trôi dạt trong ba đường nên không nghe câu này, do quả thô nặng nên không nhờ đâu ra khỏi đường khổ. Nếu được A-là-lê chỉ dạy chân ngôn, sẽ trừ hết nguồn khổ. Lại giải thích: Thư biến là ánh sáng của Đà-la-ni này không bị chướng ngại, người gặp được ánh sáng này đều dứt trừ các khổ. Nếu có người chết thì để xương cốt trên đất sạch, tụng hai mươi một biến chân ngôn này thì người ấy liền được lìa khổ, như phần sau sẽ văn có giải thích đầy đủ. Bình đẳng chiếu soi, nhiệm tịnh không khác, danh ngôn tánh không, không thì làm sao đắc được. Ánh sáng chiếu soi thì ngu tối đều dứt. Cõi nước hiện thân, việc làm không dính mắc.

“Nga-để-nga-hạ-năng”, đời Đường dịch nghĩa câu này rất sâu,

cũng dịch là chỗ đông đảo sáu đường.

**Giải thích:** Sáu xa có hai, một là lý sáu xa, ấy là chân ngôn Phật Đản, hai là sự sáu xa, ấy là sự đông đảo sáu đường, nhân quả nhiệm tịnh, lậu và vô lậu khác nhau, chân tục hai thứ sáu xa, chỉ có Phật mới biết cùng tận.

Nói chỗ đông đảo sáu đường.

1. Đường người: Ở giữa bốn châu. Châu Thiệm-bộ ở phía Nam ba bên mỗi bên hai ngàn do-tuần. Phía Nam ba trăm do-tuần, nửa châu câu-lô ở phía Bắc bốn bên mỗi bên hai ngàn do-tuần, châu Phất-bà-đề ở phía Đông ba bên mỗi bên hai ngàn do-tuần, phía Đông ba trăm năm mươi do-tuần, châu Cù-đà-ni ở phía Tây hai ngàn năm trăm do-tuần, chu vi gấp ba lần.

2. Đường trời: Ở cõi Dục, địa cư có sáu tầng trời, cõi Sắc có mười tám tầng trời, cõi Vô Sắc có bốn tầng trời.

3. Đường Tu la: Có ba hình tướng khác nhau, là thân hình cõi trời, thân hình loài quỷ và thân hình súc sinh, tuy là một mà quả báo khác nhau, sang hèn ngạo mạn, hung dữ yếu đuối mỗi mỗi khác nhau.

4. Đường súc sinh: Phần nhiều là thân nằm ngang, trụ không ở phương trên, các loài ở dưới nước, ở trên đất liền hoặc ở trên hư không.

5. Đường ngạ quỷ: Đời trước gieo nhân san tham, trộm cắp vật của người, tâm thường yếu đuối, thân hình xấu xí, thân tâm lằng xằng nên gọi là ngạ quỷ.

6. Đường địa ngục: Dưới đất hơn hai muôn do-tuần có ngục tên là A-tỳ, sâu rộng vô cùng, còn bảy ngục khác ở trên ngục Vô Gián, mỗi ngục đều có các ngục khác làm quyến thuộc, như ngục Thiêu Nướng, Cốt đái, Dao nhãn, sông nước nóng v.v... tám địa ngục lạnh, như vậy thứ lớp bao quanh bốn châu ở bên ngoài núi, rất là tối tăm, những người chệch lạc Thánh Hiền phải chịu khổ địa ngục này, còn các ngục khác hoặc gần sông, bên núi, hoặc ở chỗ hoang vắng, mỗi mỗi khác nhau, do mê mà khởi nghiệp, cảm lấy quả báo chỗ đông đảo này. Sự lý chưa rõ thì không thể lìa sự trói buộc, các Đức Phật quán trí chân ngôn mau chóng trừ sạch sự đông đảo sáu đường. “Sa-phước-sa-phước-vĩ-thuật-đệ”, đời Đường dịch là tự nhiên thanh tịnh.

**Giải thích:** Du-già chiếu khắp, sự lý rõ ràng, thói quen dứt trừ, tự nhiên thanh tịnh.

-----



**Thứ Tư : MÔN KHÉO NÓI VỀ QUÁN ĐẢNH**

“A-tỳ-sần-tả-hàm”, đời Đường dịch là dẫn quán đánh ngã. Giải thích: Quán đánh có năm thứ: Một là quán đánh quang minh, tức các Đức Phật, Bồ-tát phát ra ánh sáng che chở. Hai là quán đánh cam lộ, tức dùng bộ chủ chân ngôn gia trì vào nước thơm. Ba là quán đánh chủng tử, tức bộ chủ chân ngôn tưởng tượng môn Bồ-trùm khắp thân. Bốn là quán đánh: Tức bộ chủ nắm ấn khế gia trì. Năm là quán đánh Cú nghĩa, tức bộ tôn chân ngôn và suy nghĩ nghĩa vận dụng gia trì. Nếu mới tu đạo mà nhập môn chân ngôn, trước phải hỏi sư chủ a-xà-lê, dựng lập đạo tràng cầu pháp quán đánh, nhập tu ba mật nguyện chứng du-già. Cũng như ở thế gian, Thái tử con vua Chuyển Luân khi muốn kế thừa ngôi vị để nhận lãnh việc nước thì chứa nước bốn biển trong bình bảy báu, sau đó rưới lên đầu mới được kế thừa ngôi vua. Như vậy chân giáo nhập bí mật môn, đồng với nghi quỹ kia nên gọi là Phật tử.

Phật hội mười phương, năm trí thành thân là từ quán đánh, là ban đầu nghe giáo pháp du-già. Nếu trước phát tâm, phương Đông thành tựu trí Kim cương, lúc vừa thấy đạo liền vượt lên vị Tam Hiền, gọi là xuất đạo Bồ-đề. Phương Nam thành tựu trí bảo ấn, tu chứng Thập địa công đức bình đẳng, gọi là vị Quán đánh. Phương Tây thành tựu trí liên hoa, quay bánh xe pháp nhiệm mầu, hằng trụ quán sát, gọi là Vô Lượng Thọ. Phương Bắc thành tựu trí nghiệp dụng, trụ thân hiện hóa, viên mãn việc làm, gọi chung là tướng quán đánh.

“Tố-nga-đa”: Đời Đường dịch là Thiện Thệ.

**Giải thích:** Thiện Thệ là một trong mười danh hiệu của Phật, có khả năng dẫn dắt chúng sinh về tịnh độ nên gọi là Thiện Thệ.

“Phược la phạt tả năng”, đời Đường dịch là Thù thắng giáo.

**Giải thích:** Ngoài ba thừa, nêu riêng tổng trì, hiển mật khác nhau nên nói là thù thắng.

“A-mật-lật-đa-tỷ-lệ-kế”, đời Đường dịch là Cam lộ quán đánh, cũng dịch là Bất tử, bất tử là pháp thân giải thoát.

**Giải thích:** Vị trên hết trong các vị thuốc không gì hơn cam lộ, người bị ngộ độc uống vào liền được trừ diệt. Hạng xiển-đề không tin nên chê bai pháp rất nặng, quán đánh gia trì chắc chắn không chết, dùng chân ngôn cam lộ thì trần lụy được thanh tịnh, lìa sự trói buộc, được giải thoát, tức nói về pháp thân, bi trí đều tu gọi là bất tử. Lại thích rằng: Trời mưa xuống cỏ cây đều nảy mầm, quán đánh thấm vào thân cũng được thành tựu chứng quả.

“A-hạ-la-a-hạ-la”, đời Đường dịch là cú xin nhiếp thọ, cú xin nhiếp thọ, lại dịch là trừ bỏ tai nạn, thoát các khổ não. Giải thích: Nói nhiếp thọ hai lần, đó là lời chí thành phát nguyện tha thiết, là hành giả siêng năng trì tụng chân ngôn này, cầu nguyện gia trì mau chóng nhiếp thọ, các Đức Phật từ bi cứu độ, trừ tai nạn được thoát khổ gọi là trừ tai. Lại giải thích: Các phàm phu thì hai niệm chân vọng khác nhau, lúc niệm tụng công ít lực cạn, nếu có đức bốn tôn nhiếp thọ được nhập Du-già, thì hai tâm yên tĩnh, gọi là trừ tai nhiếp thọ.

“A dục tán đà la ni”: Đời Đường dịch là kiên trụ trì thọ mạng.

**Giải thích:** Các Đức Phật đã dùng nhiếp thọ thọ mạng tức là trụ trì. Lại nói: các Đức Phật nhiếp thọ thì được sống lâu, trì chân ngôn này được thêm tuổi thọ, không bị các ma đoạt lấy mạng căn, như năng lực thọ trì của thiên tử Thiện Trụ, mạng sống thêm lâu dài và được Phật thọ ký thành tựu quả Bồ-đề Vô thượng.

-----

### **Thứ Năm: MÔN THÂN LỰC GIA TRÌ**

“Mậu đà dã mậu đà dã, nga nga năng vĩ thuật đệ”: Đời Đường dịch là hư không thanh tịnh. Giải thích: Xét kỹ ý này, cả pháp và dụ rõ ràng, trừ sạch thanh tịnh như hư không, Thánh Hiền phân vị tu chứng khác nhau, chỉ có thân Phật thanh tịnh như hư không. Lại giải thích: Thể tánh của tất cả pháp đều vắng lặng, trí mầu của các Đức Phật nương vào hư không mà chuyển, tất cả kiến lập và không kiến lập, không và bất không, trí tướng thường trụ như hư không, nhưng thể của hư không này là đối chảng phải thật, chỉ có diệu trí công dụng vô cùng, cho nên mượn ví dụ mà nói hư không thanh tịnh.

“Ô cầm nễ lệ”: Đời Đường dịch là Phật Đảnh.

**Giải thích:** Như trên đã giải thích.

“Vĩ nhạ dã vĩ thuật đệ”: Dịch là thanh tịnh trên hết.

**Giải thích:** Thể của hư không rộng lớn dụ cho pháp, Phật đảnh tối cao là báo thân và ứng thân.

“Sa hạ sa la la thấp danh”: Đời Đường dịch là Thiên quang minh.

**Giải thích:** Thiên quang minh là dụ cho hóa thân, y theo câu hiển này mà giải thích ba thân trong chữ Mật, nếu giải thích theo hư không thanh tịnh trừ nghiệp thì Phật là hư không, vậy là quá sai lầm.

“Tán tổ nhĩ đế”: Đời Đường dịch là kinh giác. Giải thích: Nhờ tiếp

xúc ánh sáng mà giật tỉnh thân tâm, tha thiết quy y. Lại nói rằng: Ánh sáng là từ đảnh phát ra chiếu khắp các cõi, ánh sáng ấy lại trở vào đảnh Phật. Người phát khởi hành trì, trì tụng Đà-la-ni thì tâm khai mở, gặp được ánh sáng nên gọi là kinh giác.

“Tát phạ đất tha nga đa địa cầm tra năng địa cầm sĩ đa”: Đời Đường dịch là Nhất thiết Như-lai thần lực gia trì.

**Giải thích:** Tất cả các Đức Phật thần lực khó suy nghĩ, bàn luận, thậm che chở sẽ được thành tựu, giác ngộ tánh Bồ-đề, bốn trí tâm phẩm, tướng giác ngộ như huyễn, thường quán vãng ánh sáng tròn, dùng tâm Bồ-đề đại bi phương tiện chỉ dạy lợi hỷ, giật tỉnh hữu tình, gọi là thần lực gia trì.

“Mẫu nại lật”, đời Đường dịch là khế ấn.

**Giải thích:** Khế ấn là khế ước ấn tín của các Phật Như-lai, khế là phát, ấn là nghiệm, đó gọi là thân ấn trăm ngàn oai nghi, ngữ ấn vô lượng chân ngôn tâm ấn, trần sa quán trí, mỗi mỗi chỉ quy, bí quyết kim cương ở chỗ A-xà-lê, nên kính phục thọ huấn sẽ tự hiểu rõ.

“Phạ viết la ca dã tăng hạ đa năng vĩ thuật đệ”: Đời Đường dịch là Kim Cương câu tủa thân thanh tịnh.

**Giải thích:** Phạm phu không ngăn ngừa nên thường bị sai sót, dấu có chút ít cẩn thận cũng không ra khỏi Nhị thừa, đâu đồng với chân ngôn bí mật thù thắng, nếu thọ được khế ấn Kim cương câu tủa mà có chỗ vọng mất thì chẳng lẽ không vững chắc hay sao? Cho nên thân thanh tịnh như kim cương, câu tủa bền chắc mãi mà không có lỗi. Lại giải thích: Muốn giúp cho hữu tình đầy đủ trí vô ngại, đối với “không” chẳng dính mắc, đối với “hữu” thể ngộ là luống dối, thì dùng năm trí tướng uốn cong như móc câu, có công năng kéo chúng sinh ra khỏi biển lửa bền chắc, kéo Thánh trí vào tâm chúng sinh. Nếu có Bồ-tát khi làm Phật sự, rải câu tủa thân và trì câu ấn này, kéo các Đức Phật, Bồ-tát ở các thế giới trong mười phương như gió mau đến, che chở vào thân này liền thành câu tủa.

“Tát phạ phạ la nộ vĩ thuật đệ”, đời Đường dịch là nhất thiết chướng thanh tịnh.

**Giải thích:** Tất cả chướng thanh tịnh, là nhân duyên của nghiệp chướng và báo chướng luân hồi không dứt, chịu các sự ép ngặt, nghiệp chướng chất khó dứt bỏ. Nay gặp được chân ngôn gia trì thần lực thanh tịnh, có công năng khiến cho khổ báo tự tiêu diệt. Lại giải thích: Chân ngôn Phật đảnh có công năng dứt ba đường ác, tự tánh không ô nhiễm, như ngọc ma-ni tuy ở dưới bùn dơ vẫn không nhiễm ô, mong cầu gì

đều được thành tựu. Lại giải thích: Quán xét trong ngoài, tâm sắc như một, thể của chướng là huyễn không, duyên sinh chẳng thật có, cũng cho rằng Thanh Văn ưa thích vắng lặng, ngoại đạo mong cầu sai lầm, chấp có chấp không, đều sinh kiến giải khác nhau, chỉ có Bồ-tát tu hạnh chân ngôn, trí tuệ khéo léo, kiến lập các tướng nhiệm mầu, vào cảnh giới Phật, được Phật che chở, đối với trăm ngàn Tam-muội xuất nhập vô ngại, không động không chìm, vào thế giới chúng sinh giáo hóa vô tận, mà thân tâm không dính mắc, không trở ngại, không có đứt quãng, tức ngay trong đời này viên mãn Phật địa, tất cả chướng ngại đều được thanh tịnh.

### *Thứ Sáu: MÔN TUỔI THỌ THÊM DÀI*

“Bát la để hiệt miệt đa dã a dục thuật đệ”: Đời Đường dịch là thọ mạng đều được thanh tịnh. Giải thích: Năng lực chân ngôn rộng lớn, gia trì thì được quả báo sâu xa, tuổi thọ lâu dài, nên được thanh tịnh. Lại giải thích: Lúc tuổi thọ sắp hết lại được tăng thọ, dẫu đọa vào đường ác nhưng lại diệt ác tăng thiện.

**Kinh Đại Bi chép:** Nói chỗ ác sở sinh có mười lăm chỗ: một là không bị chết bởi đói khát khổ khổ, hai là không bị chết bởi cầm tù đánh đập, ba là không bị chết bởi kẻ oán trả thù, bốn là không bị chết bởi chém giết trong quân trận, năm là không bị cọp sói giết chết, sáu là không bị rắn rít độc cắn chết, bảy là không bị chết bởi lửa cháy nước trôi, tám là không bị chết bởi thuốc độc, chín là không bị chết bởi tâm mê độc hại, mười là không bị cuồng loạn, vọng niệm mà chết, mười một là không bị rớt xuống sườn núi mà chết, mười hai là không bị người ác trừ rửa mà chết, mười ba là không bị tà thần ác quỷ hại chết, mười bốn là không bị bệnh truyền nhiễm mà chết, mười lăm là không tự hại chết. Lại được mười lăm quả báo lành.

1. Sinh đến nước nào cũng thường gặp được vua tốt.
2. Thường sinh vào nước an ổn.
3. Thường gặp thời cơ tốt.
4. Thường gặp bạn tốt.
5. Thân căn thanh tịnh.
6. Đạo tâm thuần thực.
7. Không phạm giới cấm.

8. Tất cả quyến thuộc ân nghĩa hòa thuận.
9. Vật dụng, quần áo, thức ăn đầy đủ.
10. Thường được người giúp đỡ.
11. Không bị cướp đoạt tài vật, của báu.
12. Có mong cầu gì đều được toại nguyện.
13. Được thiện thần che chở.
14. Sinh về chỗ nào cũng được gặp Phật, nghe pháp.
15. Được nghe chánh pháp, ngộ được nghĩa sâu.

Lúc tuổi thọ sắp hết đọa vào đường ác, dùng tâm từ trì niệm thì tuổi thọ tăng thêm, cảnh ác tiêu diệt. Lại vọng nghĩ muốn sanh, khéo nhớ nghĩ thì dục diệt. Người này qua đời thức tánh hôn mê, bị ma làm mê hoặc, nếu có năng lực Đà-la-ni thì chợt được sáng suốt.

“Tam ma da địa cầm sĩ đế”: Đời Đường dịch là Thệ nguyện gia trì.

**Giải thích:** Thệ nguyện gia trì là khuyến phát tấn tu, phổ nguyện thành Phật, chuyển phàm thành Thánh, nên gọi là thệ nguyện gia trì, Lại giải thích: Người thực hành chân ngôn, lúc tu Du-già, lúc không tán động, lúc niệm tụng thầm, lúc vắng lặng chứng đắc, lúc quán kỹ trên đàn Kim Cương thì được thệ nguyện Như-lai thầm che chở.

“Ma ni ma ni”, đời Đường dịch là Thế bảo, cũng dịch là pháp bảo.

**Giải thích:** Thế bảo là nhân phước đức, pháp bảo là quả của trí tuệ, do nhân phước nên tiến tu muôn hạnh, do trí tuệ nên được đại Niết-bàn. Lại giải thích: Lặp lại câu ma-ni-ma-ni, đời Đường dịch là tâm ý, thức thứ tám có công năng dung chứa nên gọi là Tâm, thức thứ bảy nhiệm ô nên gọi là Ý. Nay được quán đảnh che chở của các Đức Phật, diệu quán bình đẳng hiện tiền cảnh trí, bỏ nhiệm hữu lậu vô lậu, tâm yếu kém bất sinh trùm khắp hư không, cho nên nói rằng thế bảo, pháp bảo.

-----

**Thứ Bảy: MÔN ĐỊNH TUỆ TƯƠNG ỨNG**

“Đát đạt đa bộ đa cú trí phá lý thuật để”: Đời Đường dịch là biến tịnh, lại dịch là chân thật, tức là biến mãn thanh tịnh.

**Giải thích:** Phước báo cõi trời, cõi người đều có hạn lượng, nghiệp lẫn lộn làm nhân nên với lấy quả luống dối, đâu đồng với thần lực gia trì, chân thật duyên khắp thanh tịnh của Mật giáo? Lại giải thích: Đát-thát là Như-lai, hai tâm chẳng sinh, tình phân biệt dứt, chân ngôn trí chứng danh tướng đều như, tâm như sắc như.

Lại giải thích: chân thật trùm khắp thanh tịnh, ở đây nói thật tánh của tâm chẳng trong chẳng ngoài, tùy theo năng lực huân tập dưỡng như có trong ngoài, tức mê ngoài tâm chấp duyên sinh pháp, vọng thành biến kế. Như quán thể của đồng không phải tượng ở khắp bên ngoài gương, bởi ngoài gương không có tượng, chẳng thể chấp thật có, bởi thật tánh của tâm không ngại duyên sinh, gương trí chiếu sáng, cho nên nói rằng thanh tịnh khắp cùng.

Hỏi: Thế tự như như, vì sao vọng tưởng?

Đáp: Người thợ làm thành đồ vật mà chẳng lấy tên người thợ, tuy đồ vật không thể tự thành, nhưng chắc chắn có người chủ vật. Người thợ tuy chẳng phải đồ vật nhưng đâu phải không có công của người thợ, thành tựu đồ vật là do công người thợ, tâm vọng đã hết thì trở về thanh tịnh.

“Vĩ sa phổ tra một địa thuật để”, đời Đường dịch là hiển hiện trí tuệ.

**Giải thích:** Vô vô minh vỡ thì nghiệp nhiều đời tiêu mất, duyên khắp chân thật, thì trí tuệ hiển hiện. Lại giải thích: Như hoa sen nở, như mầm nhú lên, đã dứt được ngã pháp thì hiểu biết mông huyễn, tướng thật sáng rõ, thì trí tuệ hiển hiện.

“Nhạ dã nhạ dã vĩ nhạ dã vĩ nhạ dã”, đời Đường dịch là tối thắng tối thắng, tức là tốt đẹp, là pháp môn Chân-đế và tục đế.

**Giải thích:** Lặp lại chữ tối thắng, trước nói hiển hiện tức là chân như, ở đây nói hai môn: Căn bản trí và Hậu đắc trí, bởi hậu đắc đạt tục, căn bản chứng chân, tự lợi lợi tha, nên nói là tối thắng. Lại nữa, người thực hành chân ngôn, tu môn quán này lý sự gia trì nên nói là Tối thắng, duyên vào Phật đản này có công năng phá tan bốn ma, thoát khỏi các tai ách, nên nói là Tối thắng. Như kinh nói: Bảy ngày nữa sẽ qua đời, đáng sống không sống, đáng chết không chết, tức ma năm uẩn và ma chết hiện thành siêu việt, tu trì không xen hở thì cảnh ma không xâm

phạm, phiền não dứt sạch.

“Sa ma la sa ma la”, đời Đường dịch là niệm trì định tuệ tương ứng.

**Giải thích:** Tánh của niệm là nhớ rõ, trì nghĩa là không mất, niệm trì định tuệ tương ứng với lý, chuyên chú du-già tâm nhất cảnh tánh, chìm nổi bình đẳng, không đắm hữu vô, bốn tôn thường chiếu, trì niệm tăng tu, tương ứng định tuệ. Lại giải thích: Hàng Nhị thừa ưa vắng lặng mà xa lìa năm trần, chân ngôn du-già trí dụng vô ngại, đối với sắc thường là Phật sắc, không ngại hữu vi, đối với tâm thường là Phật tâm, không trụ vô niệm, cho nên định tuệ tương ứng.

-----  
**Thứ Tám: MÔN KIM CƯƠNG CÚNG DƯỜNG**

“Tát phạ một đà địa cầm sĩ đa thuật đệ”: Đời Đường dịch là Nhất thiết Chư Phật gia trì thanh tịnh. Giải thích : Tất cả các Đức Phật là các Đức Phật trong mười phương, bởi tu Du-già quán hạnh ba mật đều tu, niệm tụng công thành nên thân tâm thanh tịnh, các Đức Phật vui mừng nhóm họp nơi đạo tràng xoa đánh người này, nên nói là che chở.

“Phạ nhật lật”: Đời Đường dịch là Kim Cương.

**Giải thích:** Hạnh vị tam thừa, Hiển giáo nói có năm thứ Bồ-đề. Nay chữ Minh này là gốc của muôn đức Bồ-đề trên hết, là gốc của muôn hạnh, tánh tướng thanh tịnh, viên mãn tròn đầy, bền chắc như kim cương, không bao giờ lui sụt. Nghĩa là chân ngôn này che chở hữu tình, không ngại thân dụng, tâm đại bi khởi, nhập trí Nhất thiết, gọi là kim cương Bồ-đề. “Phạ viết la nghiệt bệ”, đời Đường dịch là Kim Cương Tạng.

**Giải thích:** Kim Cương Tạng tức là giáo pháp Kim Cương đánh du-già, nghĩa là từ lúc ban đầu phát tâm tính tấn không lui sụt, chứa nhóm muôn hạnh sở chứng Bồ-đề, các Đức Phật che chở từ bi hộ niệm, sự lý vững chắc, thành kim Cương Tạng, đó gọi là Kim Cương giới, Kim Cương định, Kim Cương tuệ, Kim Cương câu, Kim cương sách, Kim cương tòa, Kim cương linh, Kim cương xử, mỗi kim cương trần sa cúng dường, kim cương hương vân, hoa man, ca vũ v.v.. kim cương vô gián, kim cương giải thoát, lên tòa kim cương, thành kim cương Bồ-đề, thành chung Kim Cương tạng, dùng chân ngôn này che chở hữu tình cho thật bền vững, nên gọi là mật tạng vững chắc bất hoại.

“Phạ viết lăm bà phạ đô”, đời Đường dịch là nguyện thành như



kim cương.

**Giải thích:** Niệm tụng chân ngôn, phát khởi tất-địa, chí thành cầu nguyện Bồ-đề như Kim cương tạng, niệm trước niệm sau, mỗi niệm là kim cương, ta và hữu tình đều nguyện thành tựu.

“Ma ma”, đời Đường dịch nghĩa là ngã. Giải thích: Nếu tự tụng trì thì tự xưng tên mình. Nếu tụng cho người thì xưng tên người ấy, vì tất cả các pháp đều từ tướng sinh ra, niệm tướng đối với trì danh không dứt quãng, mỗi mỗi được phước, tự lợi lợi tha, cho nên xưng tâm.

-----

### **Thứ Chín: MÔN CHỨNG KHẮP THANH TỊNH**

“Tát phạ tát đất phạ nan tả ca dã vĩ thuật đệ”, đời Đường dịch là nhất thiết hữu tình Thân đắc thanh tịnh.

**Giải thích:** Trước xưng tâm, niệm tụng gia trì tự lợi lợi tha, bi trí thành tựu tướng thừa nên có văn này, tất cả hữu tình nguyện đều thanh tịnh.

“Tát phạ nga để phả lị thuật đệ”: Đời Đường dịch là tất cả cõi đều thanh tịnh. Giải thích: Tất cả hữu tình thân đã thanh tịnh, tức là chánh báo tròn đầy tự lợi. “Tát phạ đất tha nga đa tam ma thấp phước sa địa cầm sĩ đế”, đời Đường dịch là tất cả Như-lai an ủi khiến được che chở.

**Giải thích:** Trì tụng xưng tên ý nguyện rất rộng, chẳng những thân phải thanh tịnh, mà nguyện sáu đường cũng đều thanh tịnh. Nếu không có bên ngoài hộ mà cùng nhiếp thọ, làm sao tự thân được thành tựu. Cho nên các Đức Phật, tất cả Như-lai cùng nhau gia trì, mới có sự che chở, như người sợ hãi nhờ vào thế lực mà được an. Cũng như Thiện Trụ nghe tiếng trên hư không báo sắp qua đời mà sợ hãi, đến trình bày hết với Đế-thích, Đế-thích liền đến hỏi Đức Thế tôn, Phật dùng lòng từ bi và pháp lực che chở, trì tụng chân ngôn khiến dứt hết các khổ.

“Một địa dã một địa dã”: Đời Đường dịch là sở giác sở giác.

**Giải thích:** Lặp lại hai lần sở giác, đó là giác ngã giác pháp, giác ngộ chấp ngã chấp pháp. Phàm phu chìm đắm không hiểu không biết, đối với pháp thì mê muội, đối với ngã thì không hiểu, mê mờ tạo nghiệp nên chịu khổ vô cùng. Bồ tát tu hành mới ngộ được sở giác, có mà chẳng đắm có, “không” mà chẳng đắm “không”, pháp sở giác tìm được cõi nguồn, tâm sở giác không chấp ngã pháp, cho nên lặp lại hai lần sở giác. Lại giải thích: sở giác có hai thứ, một là đèn sáng, hai là các sắc,



đèn sáng sở giác trừ được tối tăm, các sắc sở giác nhờ đó mà được sáng, cũng biết ngã pháp như huyễn như không, sở giác chân như bao trùm rộng khắp.

“Mạo đà dã mạo đà dã”: Đời Đường dịch là làm cho giác ngộ, có công năng giúp cho hữu tình mau được giác ngộ.

**Giải thích:** Có công năng giúp cho giác ngộ có hai ý, một là năng giác sự Đà-la-ni, hai là năng giác lý Đà-la-ni. Sự là nghi quỹ của tục đế, lý là tướng thật của Chân-đế, sự thì trăm ngàn nghi quỹ, lý thì một đạo chân như, dùng hai pháp sự và lý này viên dung giác ngộ tất thông, là tên gọi trùng, sự và lý thuộc về y chú thích, trì nghiệp thích.

“Tam mãn đa phả lý thuật đệ, dịch là thanh tịnh trùm khắp.

**Giải thích:** Thanh tịnh trùm khắp là trí căn bản, hậu đắc, sự lý duyên nhau tự lợi lợi tha, tất cả đều thanh tịnh. Lại giải thích: chân ngôn Tam-muội khiến tâm đẳng trì, tâm cảnh đều mất, năng sở cũng dứt, Thanh Văn chấp cảnh, Duyên giác xả tâm, không hiểu sở duyên liên sinh hai vọng. Nếu ngộ được tổng trì và tu quán du-già, thì chấp không còn mà vọng duyên dứt bỏ, sở chấp chẳng sinh thì rõ được nguồn cội, pháp này bình đẳng, Bồ-đề phiến não, sinh tử Niết-bàn, từ vô thỉ đến nay thể vốn thanh tịnh, không buộc không mở, giống như hư không, trì tụng chân ngôn tất cả đều thanh tịnh.

“Tát phạ đất tha nga đa địa cầm tra năng địa cầm sĩ đa”: Dịch là được thần lực của tất cả Như-lai giữ gìn.

**Giải thích:** Giống như trước nên đây không nói lại. “Ma ha mẫu nại lật”: Đời Đường dịch là Đại ấn. Giải thích: Đại ấn: Do nhập mạn-đồ-la Tỳ-lô-giá-na thọ quán đánh rồi, từ thầy mà thọ được bốn tôn du-già-Tam-ma-địa ngũ trí khế ấn, tương ứng với thân tâm, tức đồng với thân Phật đại Tỳ-lô-giá-na và thân Đại Bồ-tát, có khả năng hiện tám tướng thành đạo, nên gọi là Đại ấn.

-----

**Thứ Mười: MÔN THÀNH TỰU NIẾT BÀN**

“Sa phạ hạ”: Mật cú không dịch, đời Đường cũng gọi là câu cát tường.

Chân ngôn Phật đảnh tôn thắng đại tâm là: Ân a mật li đa bát la bệ vi bố trạch nghiệt bệ bát la bồ đề ma ha nghiệt bệ đô lô đô lô sa phạ hạ.

Chân ngôn Tôn thắng tiểu tâm là:

Ân a mật li đa đế nhạ phước đế sa phạ hạ.

Tôn thắng tâm trung tâm chân ngôn là:

Ân tát bà tất đế khê luân đà ni sa phạ hạ.

Hòa-thượng Tam tạng Đại Quảng Trí Chùa Hưng Thiện, dùng nghĩa giải thích rằng:

Sa phạ hạ, nghĩa là Niết-bàn, đó là bốn thứ Niết-bàn: Niết-bàn hữu dư y, Niết-bàn vô dư y, Niết-bàn vô trụ xứ và Niết-bàn tự tánh thanh tịnh. Nêu ra giải thích giúp cho biết chút ít. Nếu giải thích câu chữ nhất, chữ mật đều là tướng thật thắng nghĩa, nghĩa Bát-nhã-Ba-la-mật vô lượng Tam-ma-địa môn tương ứng, vẫn giải thích chung tất cả thế gian, tất cả Phật pháp, bởi đầy đủ ba thân công đức, bốn trí Bồ-đề, đó gọi là trí Đại viên cảnh, trí Bình đẳng tánh, trí Diệu quán sát, trí thành sở tác, tụng niệm nhớ giữ, và trần ảnh thẩm thân đều được diệt tội, sống lâu tăng phước không đọa đường ác, được phước báo cõi trời cõi người, cõi Phật thanh tịnh nhiệm mầu. Nếu y theo pháp mà thọ trì tụng niệm thì tất cả tai họa đều được tiêu trừ, mong cầu quả báo thế gian cũng được thành tựu, chứng Bồ-đề vô thượng.

Lại giải thích: Ta tụng Đại ấn mà tất cả Như-lai thân tâm giữ gìn này thì ấn vào thân tâm ta, tất cả tội chướng đều được dứt trừ, trí ấn như vậy, cũng như lửa vừa phát cỏ cây đều cháy rụi, người gặp ánh sáng này, chẳng có tội nào mà không diệt. Như kinh đã nói, tội từ tâm sinh lại từ tâm diệt, lửa từ gỗ sinh lại từ gỗ diệt, năng lực trì tụng phước trí vô biên, tất -địa đều thành, gọi là Sa-phạ-hạ.

**Luận Địa Trì chép:** Có bốn thứ Đà-la-ni: một là Pháp, hai là Nghĩa, ba là Nhẫn, bốn là Chú.

Nói Pháp: trong câu văn nhiếp vô lượng pháp. Nói Nghĩa, là nghĩa mà giúp giải thích, trong một nghĩa nhiếp vô lượng nghĩa. Nói Nhẫn, là chứng nhẫn trí chân tục, vì có thể chứng nhẫn tất cả chân tục. Chú là thuật: Là lời bí mật. Luận Đại Trí Độ chép: Như-lai có ba thứ là thân mật, khẩu mật và ý mật.

Thân mật là hoặc thấy như vàng, hoặc thấy như bạc, hoặc thấy như màu nhiều chất báu lẫn lộn, hoặc thấy cao ba thước, hoặc thấy cao trượng sáu, hoặc thấy cao một dặm, hoặc thấy cao mười dặm, hoặc thấy cao trăm dặm, ngàn dặm, muôn ức dặm, hoặc thấy thân như hư không vô biên, hoặc thấy trăm ngàn khế ấn, đó là thân mật.

Khẩu mật là âm thanh phát ra hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc một niệm rộng mở, hoặc nghe nhiều đầy khắp hư không, cùng tận pháp giới bốn loài sáu đường nhất thời đều nghe, đây gọi là khẩu mật trăm ngàn Đà-la-ni.

Ý mật tức là trăm ngàn Tam-ma-địa, chỉ có Phật và Phật mới biết hết, nay Đà-la-ni này là nói trong mật ý của Như-lai, trùm nhiếp nhiều công đức, cho nên dứt được tai chướng.

Lại giải thích: Đà-la-ni lược chia làm ba môn: một là danh nghĩa, hai là thể tánh, ba là hỏi đáp.

1. Đà-la-ni dịch là Tổng trì, tổng trì có bốn thứ, một là pháp, hai là nghĩa, ba là chú, bốn là nhẫn. Nhẫn cũng gọi là Văn. Pháp là danh, nghĩa là lý, chú là lời, nhẫn là trí. Ba thứ trước ngay nơi thể mà được danh do trì pháp, trì nghĩa, trì chú. Một thứ sau nếu ngay nơi thể mà được danh thì nhẫn tức là tuệ, là Vô sinh nhẫn, Bát-nhã là thể. Nếu nói là văn tức là phương tiện mà được danh, do nghe mà được.

2. Thể tánh, có ba thứ khác nhau: a. Là dùng định làm thể. Luận Trí Độ chép: Do năng lực thiền định nên được trí tuệ rộng lớn. b. Là dùng niệm làm thể: Luận Trí Độ chép: Do năng lực của niệm nên được mạng không mất. c. Là dùng tuệ làm thể, Luận Trí Độ chép: Trong tâm Bồ-tát gọi là Bát-nhã, trong tâm người vọng gọi là Đà-la-ni.

**Tam tạng Chân-đế nói:** Dùng tuệ làm thể, ấy là nghe mà lấy bỏ đúng lý nên suy nghĩ.

3. Hỏi: Đà-la-ni này có mấy phẩm loại? Đáp: Theo luận trang nghiêm thì có ba ý: 1. Là báo đắc: Là do nghiệp lực đời trước. 2. Là tập đắc, do năng lực nghe và trì trong hiện tại. 3. Là tu đắc, do nương vào định lực.

Hỏi: Đà-la-ni này có nghiệp nhân gì?

Đáp: Trì pháp là lập văn, trì nghĩa là giải thích tướng, trì chú là trừ chướng, trì nhẫn là nhập lý, trì pháp thành Pháp vô ngại, trì nghĩa thành Nghĩa vô ngại, trì chú thành Từ vô ngại, trì nhẫn thành Nhạo thuyết vô ngại.

Hỏi: Đà-la-ni này có mấy nhân duyên?

Đáp: luận Địa Trì chép: Đủ bốn công đức thì sẽ được. 1. Là không

tập ái dục, tâm nặng về dục thì hôn mê nên không tập ái dục. 2. Là không ganh ghét người hơn mình, ghét có hai thứ, ganh sang thì hèn, ganh giàu thì nghèo, ganh trí thì ngu, ngu thì vô trí. 3. Là bố thí bình đẳng không hối hận, bố thí thức ăn thì được biện tài, bố thí pháp thì được trí tuệ. 4. Là ưa thích pháp sâu xa: Luận Địa Trì chép: Bồ-tát Đà-la-ni trì pháp nghĩa vượt qua tăng-kỳ đầu tiên, nhập vào tịnh tâm địa, nhờ được pháp nghĩa này mà tu tập Tam-muội, nhờ phát nguyện lành mà được hai Đà-la-ni Từ và Nhẫn.

**“Bấy giờ, Phật bảo Đế-thích:** Chú này gọi là Phật đảnh tôn thắng Đà-la-ni trừ sạch tất cả đường ác, dứt trừ tất cả tội nghiệp, phá tan tất cả khổ trong đường ác”. Lời thuật chép: Đây là thứ năm điều được nói trong Thánh giáo, tức là phần lại nêu thần thông. Trong đây có tám đoạn văn kinh, một là hiển danh bày đức, hai là nhiều Phật thọ trì, ba là Như-lai trí ẩn, bốn là phá được ba đường, năm là cứu nạn sinh tử, sáu là chuyển báo thọ vui, bảy là diệt khổ nghiệp ác, tám là nêu công tổng kết.

**1. Nêu danh bày đức:** trong văn có ba ý, một là nêu danh, hai là trừ chướng, ba là hoại khổ. Đây là nói chung về oai lực của Đà-la-ni.

**2. Nhiều Phật thọ trì:** “Thiên-đế! Đà-la-ni này do tám mươi tám cãng-già sa câu-chi trăm ngàn các Đức Phật cùng giảng nói, tùy hỷ thọ trì”. Nói Cãng-già: Là tên thần sông, theo luận Câu-xá nói sơ lược: Từ phía Bắc châu Thiệm-bộ qua chín lớp Hắc sơn, phía Bắc có ngọn núi tên là Đại Tuyết, cao khoảng hai mươi lăm do-tuần, úi này do tuyết chồng chất mà thành nên gọi là núi Tuyết, phía Bắc núi Tuyết lại có ngọn núi tên là Hương Túy, cao năm mươi do-tuần, chúng sinh ngửi mùi hương thì say ngất nên gọi là núi Hương Túy.

**Luận Lập Thế A-tỳ-đàm chép:** Có bảy loại súc sinh chúa ở trong đây.

Phía Nam núi Hương Túy và phía bắc núi Đại Tuyết có ao tên là A-nậu-đạt, rộng mỗi bề năm mươi do-tuần, trong đó đầy nước tám công đức. Thế nào là nước tám công đức?

1. Trong trẻo sạch sẽ.
2. Thanh tịnh mát mẻ.
3. Ngon ngọt.
4. Nhẹ nhàng mềm mại.
5. Nhuận thấm mượt mà.
6. Yên ổn điều hòa.
7. Uống vào không thương tổn cổ họng.

8. Uống vào không bị sinh bụng.

Vì có tám công đức nên gọi là nước tám công đức, cũng gọi là tối thắng, trừ người đã đắc đạo, ngoài ra không ai đến được ao này. Trong ao có đại long vương tên là Long vương A-na-bà-đạt-đa ở trong đó, dịch là ao Vô Nhiệt Não.

**Luận Đại Trí Độ chép:** Là Bồ-tát Thất địa. Luận Câu-xá chép: Bốn mặt ao này chảy thành bốn dòng sông lớn, đó là sông Căng-già, sông Tín-độ, sông Bác-xoa, sông Tỷ-đa.

Sông Căng-già chảy ra từ miệng voi vàng ở phía Đông ao.

Sông Tín-độ chảy ra từ miệng trâu bạc ở phía Nam mặt ao phun ra.

Sông Bác-xoa chảy ra từ miệng ngựa ngọc phệ-lưu-ly ở phía Tây ao.

Sông Tỷ-la chảy ra từ miệng sư tử Phả-chi-ca ở phía Bắc ao.

Nước bốn mặt ao chảy về bên phải ao một vòng, rồi mới chảy ra biển.

**Tam tạng Chân-đế nói:** Bốn con sông lớn này lúc nước chảy ra khỏi miệng như khuỷu tay vuông với một do-tuần, trong ấy đầy cát mịn chảy cùng với nước, phàm phu Nhị thừa không biết được số lượng, chỉ có các Đức Phật, Bồ-tát mới biết số ấy.

Đại Đường Tam tạng nói: Thường nêu sông Căng-già làm dụ, có năm nghĩa:

1. Vì có nhiều cát.
2. Vì người đời cùng cho là sông phước, xuống đó tắm gội diệt tội, sinh lên cõi trời.
3. Tuy trải qua nhiều kiếp nhưng không hoại, mà tên gọi thường còn.
4. Phật thường ở bên bờ sông giảng nói pháp mầu.
5. Mọi người đều biết.

Cho nên trong kinh thường dẫn làm ví dụ, gọi là sông Căng-già.

Câu-chi là số lượng theo phương Tây, luận Câu-xá chép: Có sáu mươi đại số, ở đây trình bày sơ lược, luận chép: Ban đầu gọi là một, một đến mười là mười, mười lần mười là trăm, mười lần trăm là ngàn, mười lần ngàn là muôn, mười lần muôn là lạc-xoa, mười lần lạc-xoa là độ-lạc-xoa, mười độ-lạc-xoa ở một câu-chi. Đây là tên đại số là phương Tây, vô lượng các Đức Phật cùng giảng nói, tùy hỷ thọ trì.

**3. Như-lai trí ấn:** “Ấn Đại trí của Như-lai ấn vào thì phá tất cả đường ác của chúng sinh”. Đây là nói về đức quyết định.

**4. Phá được ba đường ác:** “Là phá tất cả cõi địa ngục, súc sinh, thế giới vua Diêm-la, giúp cho chúng sinh được giải thoát”. Ở đây có ba ý: Phá địa ngục, phá cõi vua Diêm-la, phá súc sinh.

Diêm-la-lộ-già, kinh Lâu Thán chép: Dưới cõi Diêm-phù-đê có ngôi thành lớn của vua Diêm-la, mỗi bề rộng hai mươi bốn muôn dặm, có bảy lớp vách, bảy lớp hàng cây, cửa ngõ điện đường đều trang nghiêm bằng bảy báu, vua Diêm-la ở trong ấy mỗi ngày chịu khổ ba lần, trong ấy có lửa dữ và cột cháy đỏ tự nhiên hóa ra, vua liền sợ hãi lăn lộn trên đất, ngục tốt la-sát dùng gậy miêng và rót nước đồng sôi vào, năm tạng cháy hết, như vậy trong một ngày đêm chịu tội ba lần, còn những lúc khác thì y pháp mà trị tội người. Người chết đến trước mặt vua Diêm-la, vua Diêm-la gạn hỏi, hỏi xong thì mới chịu khổ. Nói Đà-la-ni này có công năng phá hết và đều được giải thoát.

**5. Cứu nạn sinh tử.** Luận Câu-xá chép: Sinh tử ví như biển, do chúng sinh chìm đắm trong ấy, nên gọi là biển.

**6. Chuyển báo thọ vui:** “Chúng sinh tuổi thọ ngắn ngủi, lại ít phước đức, không ai cứu giúp”. Nói chú Đà-la-ni này có công năng chuyển sự khổ trong hiện tại.

**7. Diệt ác nghiệp khổ:** “Bởi chúng sinh ưa tạo nghiệp ác tạp nhiễm cho nên nói chú này”.

**8. Nêu công tổng kết** “Lại nữa, Chú Đà-la-ni này ở châu Thiệm-bộ tùy theo năng lực thọ trì mà khiến cho chúng sinh trong đường ác địa ngục, chúng sinh kém phước trôi lăn trong sinh tử, chúng sinh không tin nghiệp thiện ác để mất chánh đạo, tất cả đều được giải thoát”.

Trên đây tuy có tám đoạn khác nhau, nhưng đều nói lại công năng của thần thứ năm.

**“Phật bảo Thiên-đế:** Ta nói Đà-la-ni này phó chúc cho ông, ông nên trao lại cho thiên tử Thiện Trụ”. Lời thuật chép: Thứ sáu là chuyên niệm trao cho, trong đây có năm đoạn văn kinh, một là phó chúc truyền trao, hai là dạy lại khiến trì, ba là truyền rộng ở châu Thiệm-bộ, bốn là chỉ bày cho các vị trời, năm là hết lòng phó chúc.

1. Phó chúc truyền trao, trong văn có hai ý, ban đầu phó chúc cho Thiên-đế, sau là phó chúc cho Thiện Trụ.

2. “Lại phải thọ trì, đọc tụng, suy nghĩ, ưa thích, nhớ nghĩ, cúng dường”. Đây là thứ hai dạy lại khiến trì, dạy bảo tu học, gồm có sáu ý, thọ trì, đọc tụng, suy nghĩ, ưa thích, nhớ nghĩ và cúng dường. Thọ là nghe người nói trì là tự mình đọc tụng biên chép, buộc vào tâm gọi là suy nghĩ, không bỏ luyến nhớ gọi là ưa thích, trong tâm không quên gọi

là nhớ nghĩ. Nói cúng dường: Theo luận Địa Trì có ba ý: Cúng dường tiền tài, cúng dường cung kính và thực hành cúng dường.

3. “Ở châu Thiệm-bộ giảng nói rộng Đà-la-ni này cho tất cả chúng sinh”. Đây là thứ ba truyền rộng ở châu Thiệm-bộ.

4. “Cũng vì tất cả các thiên tử cho nên nói ấn Đà-la-ni này, phó chúc cho ông”. Đây là thứ tư giảng nói cho các vị trời nghe.

5. “Thiên-đế, ông phải khéo giữ gìn hộ niệm chớ để quên mất”. Đây là thứ năm hết lòng phó chúc, chỉ dạy không để quên. Trên đây tuy có năm đoạn khác nhau, nhưng đều nói về thứ sáu chuyên khiến trao cho Thiên-đế.

**“Phật bảo Thiên-đế, nếu có người trong giây lát được nghe Đà-la-ni này thì tiêu trừ được tội nặng đã gây từ ngàn kiếp đến nay”.**

**Lời thuật chép:** Thứ bảy là nói rộng nhiều phước. Tiết lớn này gồm có mười bảy đoạn văn kinh, một là nghe chú diệt tội, hai là không đọa ba đường ác, ba là bỏ thân quỷ thần, bốn là chuyển thân súc sinh, năm là được sinh về chỗ tốt đẹp, sáu là tốt đẹp hơn đời trước, bảy là đời sau chứng quả, tám là lại nói về tên gọi tốt đẹp, chín là khen ngợi ngọc ma-ni, mười là ví dụ dằm vàng thanh tịnh làm, mười một là nói rộng lưu thông, mười hai là phá được đường ác, mười ba là đặt bày nơi chốn, mười bốn là nói về người cung kính, mười lăm là trần ảnh thấm vào thân, mười sáu là dứt bỏ các khổ, mười bảy là tổng kết thọ ký.

1. Trên đây là nói nghe chú diệt tội thứ nhất.

2. “Người phải chịu các thứ trôi lăn trong sinh tử: địa ngục, ngạ, quỷ, súc sinh, Cõi vua Diêm-la”. Đây là thứ hai phá được ba đường ác, trong văn có bốn ý: Phá sinh tử, phá địa ngục, phá ngạ quỷ và phá súc sinh, nói lên thần lực của Đà-la-ni có công năng phá tan sự khổ trong ba đường ác này.

3. “Được bỏ thân A-tu-la, Dạ-xoa, La-sát, quỷ thần BỐ-đơn-na, Yết-tra-bố-đơn-na, A-bà-sa-ma-la”: Đây là thứ ba bỏ thân quỷ thần, quỷ thần có sáu: A-tu-la, Dạ-xoa, La-sát, BỐ-đơn-na, Yết-tra-bố-đơn-na và A-bà-sa-ma-la. A-tu-la, trong kinh nói thường khác nhau, luận Du-già và luận Phật địa nói A-tu-la thuộc về cõi trời, kinh Chánh Pháp Niệm thì nói tu-la có hai thứ là quỷ và súc sinh, như loại la-hầu sư tử. Theo luận Bà-sa thì Tu-la nam thì xấu, nữ thì xinh đẹp. Ở đây lấy nam làm tên nên gọi là A-tu-la. Nay là nói theo Kinh Già-đà Lôu Thán. Kinh Già-đà chép: Có ba thứ là trời, quỷ, súc sinh khác nhau, Tu-la có năm chỗ ở, một là ở các núi trên mặt đất, trong đó thế lực thấp nhất, hai là dưới biển lớn sâu hai muôn một ngàn do-tuần ở phía Bắc núi Tu-di, có



vua A-tu-la tên là Hoa Man, dưới chỗ A-tu-la Hoa Man hai muôn một ngàn do-tuần có vua A-tu-la tên là Tỳ-ma Chất-đa-la, mỗi vua thống lãnh vô lượng A-tu-la.

Vua Tỳ-ma Chất-đa-la: Mẹ là người thuộc tầng trời Quang Âm trong cõi Nhị thiên, vào kiếp sơ bà cùng các thiên nữ tắm gội dưới biển lớn, khi nước đọng vào thân thể liền mất tinh khí, rơi xuống biển, biến thành một cái trứng bằng thịt, trải qua tám ngàn năm mới nở ra một cô gái, có chín trăm chín mươi cái đầu, mỗi đầu có ngàn mắt, có chín mươi chín miệng, mỗi miệng có bốn nanh, trên nanh phát ra lửa cháy mạnh, có hai mươi bốn tay, chín trăm chín mươi chân, gọi là Liệt thiên.

Người này dạo chơi trên nước nổi tinh nhập vào bụng, sinh ra cái trứng bằng thịt, trải qua tám ngàn năm thì nở ra vua Tỳ-ma-chất-đa-la A-tu-la, có chín đầu, trên mỗi đầu có ngàn mắt, miệng phát ra lửa, có chín trăm chín mươi chín tay, nhưng chỉ có sáu chân, thân hình gấp bốn lần núi Đại Tu-di, chỉ ăn bùn đọng và rễ sen, thường đánh nhau với các vị trời.

**Kinh Hoa Nghiêm chép:** Nếu đánh thua, liền chịu vào lỗ ngó sen để tránh nạn, theo thuyết này thì Tu-la ở dưới biển lớn.

**Kinh Lôu Thán chép:** Biển phía Bắc núi Tu-di sâu bốn muôn dặm, có vua A-tu-la tên là Sa-đa-thi-lợi, thành ấy rộng mỗi bề ba trăm ba mươi muôn dặm, có bốn cửa, bên mỗi cửa có ba trăm nước A-tu-la, mỗi nước cũng có bốn cửa, bên mỗi cửa lại có ba mươi nước A-tu-la nhỏ. Tất cả tường thành đều bằng bảy báu, có bốn thứ gió giữ gìn, là gió không thể hoại, gió vững chắc, gió cây và gió bậc thượng. Bốn thứ gió này giữ gìn tường thành đứng trên nước, giống như túi nổi. Ngoài ra còn những chi tiết khác nhau, có thể giải thích lại.

- Nói Dạ-xoa: Hán dịch là khinh tiệp, cũng dịch là Dũng kiện (mạnh khỏe).

- Nói La-sát, Hán dịch là Khả úy (đáng sợ), cũng dịch là bạo ác, nếu là nam thì gọi là La-sát-bà, nếu là nữ thì gọi là La-sát-nhĩ.

- Nói Bồ-đơn-na: Hán dịch là xú ác, cũng dịch là quỷ bệnh nhiệt.

- Yết-tra-bố-đơn-na: Hán dịch là kỳ xú.

- A-bà-sa-ma-la: Hán dịch là quỷ bệnh điên, cũng dịch là hình ảnh, cũng dịch là chuyển căn.

Tổng kết các thứ thân quỷ thần như vậy, nếu nói chú Đà-la-ni thì các nghiệp như thế đều tiêu diệt.

4. “Không còn làm thân ruồi, muỗi, rùa, chó, rắn, tất cả loài chim cho đến thú dữ, loài hàm linh máy cựa trùng kiến”. Đây là thứ tư



chuyển quả báo súc sinh.

5. “Liên được chuyển sinh về cõi Phật, Như-lai. Đến địa vị Nhất sinh bổ xứ, ở chung với Bồ-tát, hoặc sinh vào dòng Bà-la-môn, hoặc dòng Sát-đế-lợi, hoặc sinh vào nhà giàu sang, tôn quý”. Đây là thứ năm được sinh vào chỗ tốt đẹp. Trong văn có ba ý: Nói đồng thọ sinh, nói sinh dòng họ cao quý và nói về năng lực nhân sinh.

Tam tạng Nhật Chiếu dịch rằng: Thường ở chung một chỗ với các Đức Phật, hoặc sinh chỗ Bồ-tát, hoặc sinh vào dòng họ Bà-la-môn, Sát-đế-lợi. Sát-lợi và Bà-la-môn được gọi là Thượng tộc, bởi Sát-lợi là dòng họ tôn quý, Bà-la-môn là dòng tịnh hạnh, họ không ăn thức ăn dơ tệt, dòng Chiên-đà-la không được gần gũi.

6. “Thiên-đế! Người này được sinh về chỗ tôn quý như trên, là do nghe chú Đà-la-ni cho nên chuyển chỗ sinh để được thanh tịnh”. Đây là thứ sáu chỗ sinh tốt đẹp hơn đời trước, cõi Phật thanh tịnh nhiệm mầu trong mười phương.

7. “Thiên-đế! Cho đến được đến chỗ đạo tràng Bồ-đề, đều do công đức khen ngợi Đà-la-ni này”. Đây là thứ bảy nêu đời sau chứng quả. Bồ-đề đạo tràng, tức đạo tràng tịch diệt ở nước Ma-kiệt-đà. Luận Câu-xá chép: Ở châu này có tòa kim cương, trên tận cùng mé đất, dưới dựa vào kim luân, tất cả Bồ-tát đều ở tòa này mà khởi định Kim Cương.

8. “Thiên-đế! Đà-la-ni này tên là Cát Tường, vì có công năng dứt sạch tất cả đường ác”. Đây là thứ tám nói về tên gọi tốt đẹp, khen ngợi công đức.

9. “Đà-la-ni Phật Đảnh Tôn Thắng này giống như mặt trời chứa ngọc báu ma-ni, trong sạch không vết dơ, thanh tịnh dường như hư không, sáng rõ chiếu suốt, chẳng nơi nào không trùm khắp, nếu các chúng sinh thọ trì Đà-la-ni này thì cũng như vậy”. Đây là thứ chín khen ngợi tính chất tốt của ngọc ma-ni. Nói ngọc báu ma-ni, cũng gọi là ngọc thần vô giá. Tam tạng Chân-đế nói: Ngọc báu có ba thứ là: Ngọc như ý, ngọc thủy tinh và ngọc thổ kim. Ngọc như ý mong cầu gì đều được toại nguyện, dụ cho Phật bảo, ngọc thủy tinh dụ cho pháp bảo, ngọc thổ kim dụ cho tăng bảo.

Thí dụ nhỏ vàng này lại có ba phẩm là thượng, trung và hạ. Bạc hạ thì bỏ một lượng vàng được gấp ngàn lần, bạc trung bỏ một lượng được gấp vạn, lần bạc thượng bỏ một lượng vàng thì được gấp vô lượng lần là dụ cho Thanh Văn, Duyên giác và Bồ-tát tăng. Nói châu Nhật tạng ma-ni cũng có ba phẩm thượng, trung và hạ: Bạc hạ mưa báu rưới đầy nửa cõi Diêm-phù-đề, bạc trung rưới mưa báu đầy một cả Diêm-

phù-đề, bậc thượng rười mưa báu đầy bốn thiên hạ, nay dùng hạt châu Nhật tạng ma-ni làm ví dụ, là không còn gì hơn nữa.

Nói vật báu có sáu nghĩa: Khó được, thanh tịnh, oai đức, trang nghiêm, tối thắng và bất biến. Luận Đại Trí Độ chép: Báu lại có ba thứ: một là báu của con người, báu của cõi trời, báu của Bồ-tát.

Báu của cõi người có ánh sáng thanh tịnh, trừ hết chất độc, tất cả bệnh, đói, khát, lạnh, nóng và các khổ.

Báu của cõi trời là bởi thường được thân trời nhẹ nhàng không nặng, ngọc mang theo thân không lia bỏ.

Báu của Bồ-tát là bởi quý hơn báu của cõi trời. Báu ở đây nói là vật báu của Bồ-tát, biết được tất cả chúng sinh chết đây sinh kia, cũng như gương sáng thấy rõ hình tượng, cho nên dùng ngọc báu này làm ví dụ.

10. “Cũng như vàng Diêm-phù-đàn thanh tịnh, sáng rỡ, mềm mại, khiến người ưa thích, không bị vật dơ xấu làm nhiễm ô. Thiên-đế! Nếu có chúng sinh nào trì Đà-la-ni này thì cũng như vậy, nhờ đó mà được sinh về đường lành”. Đây là thứ mười dùng vàng thanh tịnh làm ví dụ.

**Luận Đại Trí Độ chép:** Vàng Diêm-phù-đàn: Vàng có rất nhiều loại, tất cả vàng ở hiện tại không bằng vàng thử Phật còn tại thế, tất cả vàng thời Phật tại thế không bằng vàng Diêm-phù-đàn, cho nên dùng vàng này để khen ngợi công đức chú Đà-la-ni. Lại nói rằng, vàng ấy nằm dưới đáy nước chiếu sáng bên trên, lúc Luân vương ra đời thì vàng này mới hiện.

11. “Thiên-đế! Nơi nào có Đà-la-ni này, nếu biên chép, thọ trì, truyền bá, đọc tụng, nghe nhân, cúng dường, thì tất cả nghiệp ác đều thanh tịnh”. Đây là thứ mười một nói rộng lưu thông: Trong văn có sáu ý: biên chép, thọ trì, truyền bá, đọc tụng, nghe thọ và cúng dường. Lại nữa, Kinh Vô thượng Y chép: Có mười thứ thọ trì: biên chép, cúng dường, truyền bá, lắng nghe, đọc tụng, nhớ nghĩ, tự đọc, nói rộng, suy nghĩ và tu hành. Bảy thứ trước là đặc văn, hai thứ sau là đặc nghĩa, thứ tám là nói rộng, tức đặc cả văn lẫn nghĩa. Ở đây có ba người, bảy thứ trước là người năng trì, phần thứ tám là người năng thuyết, hai phần sau là người năng hành, năng hành chỉ cho tự lợi, năng thuyết chỉ cho lợi tha, năng trì có cả tự lợi và lợi tha, tám thứ trước là đạo phước đức, thứ chín là đạo gia hạnh, phần thứ mười là đạo trị chướng.

12. “Tất cả các khổ địa ngục thủy đều tiêu diệt”. Đây là thứ mười hai phá được đường ác, biên chép truyền bá được như vậy thì tất cả đường ác đều tiêu diệt.

13. “Phật bảo Thiên-đế! Nếu có người biên chép Đà-la-ni này, nên đặt trên cột cao, hoặc trên núi cao, hoặc trên lầu gác, cho đến đặt trong tháp”. Đây là thứ mười ba nơi chốn sắp đặt, gồm có bốn chỗ: Trên cột cao, trên núi, ba trên lầu gác và trong tháp, đặt ở bốn chỗ này là nói chỗ cao và thanh tịnh.

14. “Thiên-đế! Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, tộc tánh nam, tộc tánh nữ cung kính Đà-la-ni này. Đây là thứ mười bốn nói về người cung kính, có sáu là: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, tộc tánh nam, tộc tánh nữ. Có sáu hạng này tu hành cung kính Đà-la-ni.

15. “Ở trên cột cao, hoặc thấy hoặc gần gũi, thì ảnh của Đà-la-ni chiếu vào thân, hoặc gió thổi Đà-la-ni trên cột rơi xuống thân”: Đây là thứ mười lăm trần ảnh thấm vào thân, những người hoặc thấy, hoặc gần gũi như trên, cho đến ảnh chiếu vào thân, nếu có các tội đều được tiêu diệt.

16. “Thiên-đế! Các chúng sinh kia nếu có tội nghiệp đáng dọa vào các đường ác như địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, cõi vua Diêm-la, hoặc làm thân A-tu-la, thì các khổ ấy đều được tiêu diệt, không bị tội cấu làm cho nhiễm ô”: Đây là thứ mười sáu trừ hết các khổ, nếu có nghiệp ác như vậy mà trần ảnh kia thấm vào thân thì tất cả tội như đều được tiêu diệt, không thể nhiễm ô.

17. “Thiên-đế! Các chúng sinh này được tất cả các Đức Phật thọ ký, đều không còn lui sụt trên đường tiến đến đạo quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề”. Đây là thứ mười bảy nói chung về thọ ký.

Không lui sụt: Tức là thành tựu tâm sâu xa nên gọi là không lui, nương vào tâm sâu xa mà khởi thắng tấn nên gọi là không sụt.

Hỏi: Không lui đã đủ, tại sao còn nói là không sụt?

Đáp: Không lui là dứt hẳn thắng chướng, các phiền não căn bản như thân kiến v.v... đều hết, đối với tu đạo mà dứt vô minh căn bản. Không lui là phương tiện thành tựu, không sụt là Bát-nhã thành tựu, không lui là thành tựu mười lực, không sụt là thành tựu bốn vô úy, không lui là đắc Sơ địa tâm Bồ-đề không mất nhân, không sụt là Nhị địa trở lên tu hành thêm cao, cho nên có sự khác nhau giữa không lui và không sụt. A-nậu-đa-la là Vô thượng, Tam là Chánh, Miệu là Biến, tam-Bồ-đề là Giác.

Tam tạng Trường Nhĩ nói: Bồ-đề có năm thứ: Phát tâm Bồ-đề, phục tâm Bồ-đề, minh tâm Bồ-đề, xuất đáo Bồ-đề và vô thượng Bồ-đề.

a. Phát tâm Bồ-đề: Tức là phát tâm ban đầu, đối với vô lượng sinh tử mà cầu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề, từ Thập tứ địa trở lên cho đến Thập trụ, gọi là phát tâm Bồ-đề.

b. Phục tâm Bồ-đề: Tức là dứt bỏ phiền não phân biệt, hàng phục tâm ấy, thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, từ Thập trụ, Thập hạnh cho đến Thập hồi hướng, địa vị Tam hiền này gọi là phục tâm Bồ-đề.

c. Minh tâm Bồ-đề: Tức là quán ba cõi bình đẳng, được thật tướng các pháp, rốt ráo thanh tịnh, từ Sơ địa trở lên cho đến Thất địa, gọi là minh tâm Bồ-đề.

d. Xuất đạo Bồ-đề: Tức là đối với Bát-nhã Ba-la-mật mà được năng lực phương tiện, dứt bỏ tất cả phiền não, thấy các Đức Phật mười phương, được vô lượng nhẫn, đến biển-Tát bà-nhã, từ Bát địa trở lên cho đến Thập địa gọi là Bồ-đề xuất đạo.

e. Bồ-đề vô thượng: Tức là ngồi đạo tràng thành Đẳng Chánh giác, từ Thập địa cho đến Đẳng giác, Diệu giác, gọi là Vô thượng Bồ-đề.

**Tam tạng Trường Nhĩ nói:** Tập chủng tánh trở xuống gọi là giai vị phát tâm giai vị, kế ba mươi tâm là giai vị phục tâm, vào Sơ địa cho đến Thất địa là giai vị Minh tâm, từ Thất địa đến Thập địa gọi là giai vị xuất đạo, trừ được chủng tánh vô minh gọi là giai vị vô thượng. Chia ra các môn như vậy.

Trên đây tuy có mười bảy đoạn văn khác nhau, nhưng đều trình bày rộng về nhiều phước.

**“Thiên-đế!** Huống chi lại dùng nhiều thứ cúng dường như tràng hoa, hương thoa, hương bột, cờ phướn, lọng báu, y phục, anh lạc, các thứ trang nghiêm, hoặc xây tháp ở ngã tư đường”.

**Lời thuật chép:** Đây là thứ tám tôn kính xây tháp, trong đây có sáu đoạn văn kinh, cúng dường xây tháp, đặt thần chú, cung kính cúng dường, nêu người bày đức, Phật tử trụ trì và tháp báu toàn thân.

1. Cúng dường xây tháp, trong văn có ba ý: Là trì cúng, hai là chỉ chỗ và xây tháp.

a) Trì cúng: Là tràng hoa, anh lạc, hương thoa, hương bột, cờ phướn, lọng báu.

b) Chỉ chỗ: Tức là ở ngã tư đường. Nhĩ Nhã chép: một là giữa đường, hai là bên đường, ba là đường cái thông với bốn phương tám ngã, bốn là ở ngã tư đường.

c) Xây tháp: Là ở chỗ này có thể xây tháp.

2. “Đặt Đà-la-ni”. Đây là thứ hai đặt thần chú.

3. “Chấp tay cung kính đi nhiều, hành đạo, quy y, lễ bái”. Đây là thứ ba cung kính cúng dường, trong văn có sáu việc: Chấp tay, cung kính, đi nhiều, hành đạo, quy y và lễ bái.

Nói lễ bái, theo luận Đại Trí Độ thì có ba phẩm thượng, trung và hạ. Hạ phẩm lễ là chỉ chấp tay, phẩm trung lễ là quỳ gối, thượng phẩm lễ là năm vóc gieo sát đất, đây là cung kính hết mực.

4. “Thiên-đế ! Người cúng dường được như vậy gọi là Ma-ha-tát-đỏa”. Đây là thứ tư nêu người bày đức. Nếu người làm được như thế gọi là Ma-ha-tát-đỏa, Hán dịch là Đại hữu tình.

5. “Thật là đệ tử trụ cột của Phật, nắm giữ giáo pháp”: Đây là thứ năm Phật tử trụ trì, vì nối tiếp hạt giống Thánh nên gọi là Phật tử.

**Nhiếp Luận dịch vào đời Lương chép:** Phật tử có năm nghĩa, một là dùng Đại thừa làm hạt giống, hai là tôn Bát-nhã làm mẹ, ba là dùng định làm thai, bốn là dùng đại bi làm sữa, năm là tôn các Đức Phật làm cha.

**Tam tạng Chân-đế nói:** Thành thân chúng sinh phải có năm việc: một là cha, hai là mẹ, ba là hạt giống, bốn là thai, năm là sữa. Nếu có cha mà không mẹ thì không được, nếu có cha mẹ mà không có hạt giống thì cũng không được, nếu có cha mẹ và hạt giống mà không có bào thai cũng không được, nếu có cha mẹ, hạt giống, bào thai, mà không có sữa mẹ thì cũng không thể sống, cho nên phải đủ năm duyên này mới thành đứa con, nay Phật tử cũng như vậy.

6. “Đây là tháp xá-lợi toàn thân của Như-lai: thuật rằng: Là tháp báu toàn thân thứ sáu.

Xá-lợi, Hán dịch là thân, Tốt-đổ-ba, là tháp. Kinh Niết-bàn nói: Có bốn hạng người được xây tháp, một là Luân Vương, hai là Thanh Văn, ba là Bích-chi-phật, bốn là Như-lai. Như bốn hạng này phải nên xây tháp thờ Tam tạng Chân-đế nói: Theo thuyết nhân duyên, thì có tám hạng người nên xây tháp, thờ một là Phật, hai là Bồ-tát, ba là Bích-chi-phật, bốn là A-la-hán, năm là Tu-đà-hoàn, sáu là Tư-đà-hàm, bảy là A-na-hàm, tám là Luân vương.

Nói tháp Luân vương, thấy chỉ có một tầng không được lễ bái, vì sao? Vì chẳng phải tháp của bậc Thánh, tháp thờ Tu-đà-hoàn hai tầng, Tư-đà-hàm ba tầng, A-na-hàm bốn tầng, A-la-hán năm tầng, Bích-chi-phật sáu tầng, Bồ-tát bảy tầng, Như-lai tám tầng.

Hỏi: Tại sao xây tháp có sự khác nhau này?

Đáp: Ở đây có ba ý, một là biểu hiện người hơn, hai là khiến mọi người tin, ba là để báo ân. Phật là đấng cha lành vô thượng, có khả

năng làm sinh hai thứ thân cho tất cả chúng sinh: Một là nhục thân, hai là pháp thân. Nhục thân là hình tướng, pháp thân là trí tuệ. Nói Tháp là phần mộ, tức là chỗ an bày, cha mẹ chỉ là sống nhờ. Tiếng Phạm là thiết-lợi-la, Hán dịch là Thể, tức là thể của xá-lợi, nay trong tháp này không cần đặt xá-lợi, bởi đây là tháp xá-lợi, không khác với việc cúng dường tháp trong kinh Pháp Hoa.

Trên đây tuy có sáu đoạn khác nhau, nhưng đều nói về phần thứ tám cung kính xây tháp.

**“Bấy giờ, Diêm-la pháp vương vào lúc nửa đêm đến chỗ Phật:** đến rồi dâng các thứ y trời, hoa đẹp, hương thoa, hương bột, các thứ trang nghiêm cúng dường Phật”:

**Lời thuật chép:** Đây là thứ chín tính tức hộ trì, trong đây gồm có năm đoạn văn kinh: một là thanh tịnh nghiêm cúng, hai là tu kính quy y, ba là thuật lời xưng tán, bốn là tùy theo hộ trì, năm là khen người hộ niệm.

1. Tĩnh tức hộ trì: Dâng các thứ y trời, các thứ hoa đẹp mà cúng dường”.

Hỏi: Đã là đứng đầu loài quý, vì sao có y trời để cúng dường.

Đáp: Theo Luận Đại Trí Độ thì: Do phương tiện dâng lên vật cung kính đều nói là y trời, đây là y tốt nên gọi là y trời. Lại nói rằng: Bởi Phật nói pháp, các trời rải y trời và hoa để cúng dường Như-lai, cho nên tất cả quý thân đều có được, được rồi lại đem dâng lên Phật, cho nên nói dâng các thứ y trời mà cúng dường.

2. “Nhiều quanh Phật bảy vòng, đánh lễ dưới chân Phật”: Đây là kính quy y thứ hai tu, trong văn có hai ý, một là hành đạo, hai là lễ bái. Hành đạo là nhiều quanh Phật bảy vòng.

**Kinh Đề-Vị chép:** Đi nhiều bảy vòng, là ứng với bảy giác chi, độ cha mẹ bảy đời. Lễ bái có ba phẩm như trên đã nói.

3. “Mà nói lời này: Ta nghe Như-lai giảng nói khen ngợi người thọ trì Đà-la-ni đại lực”. Đây là thuật lại lời khen ngợi thứ ba.

4. “Ta thường đi theo hộ vệ, giúp cho người thọ trì Đà-la-ni không đọa vào địa ngục”. Đây là thứ tư đi theo hộ vệ.

5. “Bởi người kia thuận theo lời dạy của Như-lai cho nên hộ niệm”: Đây là thứ năm khen người hộ niệm.

Trên đây tuy có năm đoạn khác nhau, nhưng đều nói về thứ chín âm thầm hộ niệm.

**“Bấy giờ, bốn vị vua trời che chở thế gian đi nhiều quanh Phật ba vòng”.**

**Lời thuật chép:** Đây là thứ mười các vị vua trời lại thưa hỏi, trong vẫn có hai đoạn: Một là vua trời tu kính, ban đầu nêu cõi trời, sau là tu kính.

1. Nêu cõi trời, tức bốn vị vua trời.

**Luận Câu-xá chép:** Bốn vị vua trời ở bốn mặt núi Tu-di.

**Kinh Lôu Thán chép:** Phía Đông núi Tu-di có thành của vua trời Đề-đâu-lại-tra, thành trang nghiêm bằng bảy chất báu, có bảy lớp tường thành, bảy lớp hàng cây, bốn mặt thành có ao bằng bảy chất báu, thân các trời ở đây cao năm trăm thước, thọ năm trăm tuổi, ở nhân gian năm mươi năm thì ở đây là một ngày đêm, ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm, như vậy thọ được năm trăm tuổi. Người tu thập thiện phẩm trung và hạ thì được sinh về cõi này. Vua trời Đề-đâu-lại-tra cai quản hai bộ quỷ thần châu Phát-bà-đề ở phía Đông chẳng để quỷ thần làm tổn hại.

Hai bộ quỷ thần: Là Càn-thát-bà và Tỳ-xá-xà. Phía Nam núi Tu-di có thành của vua trời Tỳ-lâu-lặc-xoa, thành cũng làm bằng bảy báu, cũng có bảy lớp tường thành, bảy lớp hàng cây, bốn mặt thành này cũng có ao bảy báu, thân các vị trời ở đây cao năm trăm thước, thọ năm trăm tuổi, người tu thập thiện phẩm trung và hạ được sinh về cõi trời này, đây cũng có hai bộ quỷ thần là Cưu-bàn-trà và Tiết-lệ-đa, vua trời Tỳ-lâu-lặc-xoa cai quản châu Thiệm-bộ ở phía Nam không để quỷ thần làm tổn hại.

Phía Tây núi Tu-di có cung của vua trời Tỳ-lâu-bác-xoa, thành cũng bằng bảy chất báu, tường thành, ao và hàng cây cũng giống như trước, người tu thập thiện phẩm trung và hạ được sinh về cõi này, cũng cai quản hai bộ chúng quỷ thần là rồng và Phú-đơn-na, ủng hộ châu Cù-đà-ni ở phía Tây không để quỷ thần làm hại.

Phía Bắc núi Tu-di có cung của vua trời Tỳ-sa-môn, tường thành, hàng cây, ao báu, tuổi thọ, tất cả đều như trước, cũng cai quản hai bộ quỷ thần là Dạ-xoa và La-sát, ủng hộ châu Uất-đơn-việt ở phía Bắc không để quỷ thần làm hại.

**Tu kính:** Là nhiều quanh Phật ba vòng, Kinh Đề-vị chép: ba vòng là ứng với ba cõi, diệt tội ba đời, trừ ba độc ứng với ba nghiệp.

2. “Rồi bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Cúi mong Như-lai nói rộng cho con nghe về cách trì Đà-la-ni”. Đây là đoạn thứ hai thưa hỏi cách thọ trì. Trên đây có hai đoạn khác nhau, nhưng đều nói về phần vua trời lại thưa hỏi.

**“Bấy giờ, Phật bảo bốn vị vua trời”:** Nay Ông hãy lắng nghe, ta



sẽ giảng nói cách trì Đà-la-ni này”.

**Lời thuật chép:** Đây là thứ mười một Như-lai trả lời, trong đây có sáu đoạn văn kinh: một là Như-lai hứa nói, hai là nói tuổi thọ ngắn ngủi, ba là khiết tịnh đúng thời, bốn là nói về tụng thần chú, năm là tăng thọ trừ bệnh, sáu là diệt chướng trừ khổ.

1. Trên đây là thứ nhất Như-lai hứa nói.

2. “Cũng vì các chúng sinh tuổi thọ ngắn ngủi mà nói”. Đây là thứ hai nói về tuổi thọ ngắn ngủi, có ba thứ là tuệ mạng, giới mạng và thọ mạng.

a. Tuệ mạng: Kinh Bát-nhã chép: Hữu vi, vô lậu, Thánh tuệ tu Không chẳng dứt, dùng tuệ làm mạng do không buông lung mà sinh. Luận Thập Địa chép: Tu “không” tức là Thánh trí sinh.

b. Giới mạng: Cũng gọi là tịnh mạng.

**Kinh Thắng Thiên Vương Bát-nhã chép:** Lìa bốn thứ tà mạng nên gọi là tịnh giới, tịnh giới là do không phá giới.

c. Thọ mạng: Là biết chỗ thọ trì nên gọi là thọ mạng.

3. “Vào ngày mười lăm trăng tròn, trước phải tắm gội mặc áo mới giặt sạch”. Đây là thứ ba khiết tịnh đúng thời.

4. “Trì trai và tụng Đà-la-ni này đủ một ngàn biến”. Đây là thứ tư nói về tụng thần chú.

5. “Khiến cho chúng sinh đoản mạng lại được sống lâu, lìa hẳn các khổ”. Đây là thứ năm tăng thọ trừ bệnh.

6. “Tất cả nghiệp chướng đều được tiêu diệt”: Đây là thứ sáu diệt chướng trừ khổ.

Trên đây có sáu đoạn khác nhau, nhưng đều nói về thứ mười một Như-lai trả lời.

**“Tất cả các khổ địa ngục cũng được giải thoát:** các loại súc sinh hàm linh vừa nghe Đa-la-ni này qua tai thì khi bỏ thân này không còn làm thân súc sinh nữa”.

**Lời thuật chép:** Đây là thứ mười hai nói lược về sự oai nghiêm.

Trong đây, lại có mười bảy đoạn văn kinh, một là bỏ thân súc sinh, hai là bị bệnh được khỏi, ba là dứt bệnh hiện tại, bốn là không đọa đường ác, năm là được sinh về tịnh độ, sáu là không vào bào thai, bảy là hóa sinh trong hoa sen, tám là thường biết việc đời trước, chín là chú nguyện cho di hài, mười là tụng trì giúp tiêu của cúng dường, mười một là được sinh về Cực Lạc, mười hai là chứng đại Niết-bàn, mười ba là sống lâu hưởng vui, mười bốn là sinh về các cõi nước mười phương, mười lăm là thờ phụng Như-lai, mười sáu là được nghe nghĩa nhiệm



mẫu, mười bảy là Thế tôn thọ ký.

1. Khi nghe chú này liền bỏ được thân súc sinh: Là nói thần lực của Đà-la-ni.

2. “Phật bảo Thiên-đế”! Nếu người có bệnh nặng mà nghe Đà-la-ni này liền được hết bệnh: Đây là thứ hai bị bệnh được khỏi.

3. “Tất cả các bệnh cũng được dứt trừ”: Đây là thứ ba hết bệnh hiện tại.

4. “Đáng lẽ đọa đường ác cũng được tránh khỏi”. Đây là thứ tư không đọa đường ác.

5. “Liên được vãng sinh về thế giới vắng lặng”. Đây là phần thứ năm được sinh về cõi tịnh.

6. “Bỏ thân này rồi sau không còn thọ thân trong bào thai”. Đây là thứ sáu không vào bào thai.

7. “Chỗ sinh về là hóa sinh trong hoa sen”: Đây là thứ bảy hóa sinh trong hoa sen. Nhờ năng lực của Đà-la-ni nên được thân hóa sinh thanh tịnh.

Hỏi: Nếu là hóa sinh, tại sao thân sau Bồ-tát lại thọ thai sinh?

Đáp: Vì lợi ích lớn mà thọ mạng thai sinh, tất cả trí vắng lặng của Bồ-tát là dòng giống Luân vương, lại vì dẫn dắt dòng họ Thích khiến cho sống trong chánh pháp lại muốn cho tất cả chúng sinh khởi tâm cung kính mến mộ, bỏ tà về chánh, đến với Phật đạo, cũng khiến cho chúng sinh khởi tâm tăng thượng, nghĩ rằng kia đã là người, ta cũng như vậy, vì sao không được thân Phật tu chánh pháp như thế ư? Nếu không phải tộc tánh, thì chúng sinh sẽ nghi ngờ là ảo thuật, hoặc là quỷ, là trời không thể biết. Như ngoại đạo nói dối, qua trăm kiếp sau có Đại huyễn ra đời ăn thịt người thế gian, cho nên Bồ-tát muốn dứt trừ những việc tà vạy chê bai mà thị hiện thọ thai sinh. Lại sư khác nói, vì để lại thân phần mà thọ thai sinh, nếu thọ hóa sinh, thì vừa sinh liền diệt, tức không như đèn cháy hết không còn thấy, cho nên thọ thai để lại thân cho chúng sinh cúng dường. Nếu giải thích như vậy sợ rằng không đúng, vì sao khế kinh nói có chim cánh vàng hóa sinh bắt lấy loài rồng hóa sinh mà ăn. Lại nói rằng bị chim này bắt rồi chỉ có tâm là còn, lớn như thân người thì có thân để lại, đây phải xét kỹ, lúc ăn rồng hóa sinh do không chết chỉ tạm no bụng.

8. “Tất cả chỗ sinh về đều nhớ nghĩ không quên, thường biết việc đời trước”. Đây là thứ tám thường biết việc đời trước, khi nghe Đà-la-ni này rồi thì biết việc trong nhiều đời trước.

9. “**Phật dạy:** Nếu người đời trước gây ra tất cả tội nặng, sau khi

qua đời sẽ đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, cõi vua Diêm-la, cho đến đọa vào đại địa ngục A-tỳ, hoặc sinh trong nước, hoặc sinh làm các loài cầm thú. Nên để hài cốt của người này trên đất và tụng Đà-la-ni này hai mươi một biến, xương cốt người chết này liền được sinh lên cõi trời”. Đây là thứ chín tụng chú cho hài cốt. Ban đầu nêu nhân ác, sau đó bày quả ác, nhân ác rất nặng, Kinh Tát-già Ni-kiền-tử chép: Vì phá hoại chùa tháp, thiêu đốt kinh tượng, phung phí tiền vật của ba ngôi báu, chê bai pháp Ba thừa nói chẳng phải Thánh pháp, làm chướng ngại, gây khó khăn, che giấu, bít lấp, đến chỗ tất cả người xuất gia, hoặc có giới, hoặc không giới, giữ giới, phá giới, đánh đập chửi mắng họ, nói lỗi lầm và bắt bớ giam cầm họ, hoặc lột ca sa ép buộc phải hoàn tục, sai sử đánh đuổi khiến đứt mạng căn, giết cha hại mẹ, làm thân Phật chảy máu, giết A-la-hán, phá hòa hợp tăng, khởi đại tà kiến, chê bai không có nhân quả, thường gây mê mười nghiệp không lành, cho đến tham, sân, làm ô nhục cha mẹ, Tỳ-kheo-ni, làm nhiễm ô già-lam, phá trai uống rượu ăn thịt, xúc não chúng sinh, khinh chê Tam bảo. Các tội này trước nặng sau nhẹ, trong quả báo ác không thoát khỏi ba đường địa ngục ngạ quỷ và súc sinh, nhẹ nặng tuy khác nhưng đồng gọi là quả ác. Nếu trì chú tu điều lành sẽ được sinh cõi trời.

10. **“Phật dạy:** Nếu có người hằng ngày tụng được hai mươi một biến Đà-la-ni này thì sẽ tiêu hết của cúng dường trong tất cả thế gian”. Đây là thứ mười tụng chú tiêu của cúng dường.

**Tam tạng Chân-đế giải rằng:** Nếu không có giới, định, tuệ mà nhận người cúng dường thì gọi là ăn cướp. Nếu có giới mà không có định, tuệ thì gọi là thức ăn mắc nợ, phải đền trả cho người. Nếu có giới, định mà không có tuệ thì cho phép ăn, đầy đủ ba thứ giới, định, tuệ gọi là gia pháp thực. Lại nữa, Luận Giải Thoát chép: có bốn thứ thọ dụng: Một là thọ dụng ăn cắp, là người phạm giới. Hai là thọ dụng mắc nợ, là người tà mạng. Ba là thọ dụng gia tài, là người tinh tấn. Bốn là chủ thọ dụng, là bậc Thánh thọ dụng. Nay người trì thần chú mỗi ngày đọc tụng hai mươi một biến Đà-la-ni thì sẽ tiêu hết của cúng dường lớn trong tất cả thế gian, như bậc Thánh thọ dụng.

11. “Khi bỏ thân sinh về thế giới Cực Lạc”. Đây là thứ mười một được sinh về thế giới Cực Lạc. Nước Cực Lạc là cõi nước của Phật A-di-đà, hoặc gọi là An Dưỡng, hoặc gọi là An Lạc, nước ấy đất bằng bảy thứ báu, có ao nước tám công đức, gió lay cành cây hòa với tiếng nhạc trời cùng chim hót, nước trong xanh phát ra tiếng đồng với pháp âm, cho nên các Đức Điều Ngự ở mười phương dùng miệng vàng mà khen ngợi,

các Đức Như-lai ba đời đồng tâm hộ niệm, vì có nhiều nghĩa ấy, do đó đặt tên, gọi là nước Cực Lạc.

**Quán Kinh chép:** Muốn sinh về Cực Lạc phải tu mười niệm, muốn thấy Di-đà phải tu ba hạnh, nay chúng sinh được nghe Đà-la-ni này liền sinh về thế giới Cực Lạc. Nhưng cõi Phật Di-đà có hai thứ; một là phàm phu địa tiền Nhị thừa nhân biến hóa Tịnh độ, hai là Bồ-tát Địa thượng hiện tha thọ dụng báo thân Tịnh độ. Hai hạng này sau khi Niết-bàn đều được Bồ xứ.

**Kinh Cổ Âm Vương chép:** Phật A-di-đà sống lâu vô lượng, tám mươi ức kiếp mới nhập Niết-bàn, khi chánh pháp diệt rồi, quá nửa đêm lúc ánh sáng xuất hiện thì có Bồ-tát Quán Âm ngồi kiết già dưới cây Bồ-đề bảy báu mà thành Đẳng Chánh Giác hiệu là Phổ Quang Công Đức Sơn vương Như-lai, mười hiệu đầy đủ, cõi nước đồng như trên.

**Kinh Cổ Âm chép:** Phật A-di-đà có vô lượng Thanh Văn, nước tên là Thanh Thái, rộng mỗi bề mười ngàn do-tuần, cha là Luân vương tên Nguyệt Thượng, mẹ tên là Thù Thắng Diệu Nghiêm, ma vương tên là Vô Thắng, Đề-bà-đạt-đa tên là Tịch Tịnh, đệ tử thị giả tên là Vô Cấu Xưng. Đây là nói nước Cực Lạc do sự nhập diệt này mà có Quán Âm bồ xứ.

1. “Nếu thường tụng niệm sẽ được đại Niết-bàn”. Đây là thứ mười hai chứng đại Niết-bàn nói lên công đức cao quý. Trong văn có sáu ý, chứng đại Niết-bàn, tăng thọ, vui sướng, sinh về cõi nước các Đức Phật, cùng gặp các Đức Phật và thức ăn thơm ngon, sáu là được Phật thọ ký.

a. Chứng đại Niết-bàn, có chỗ nói là Nê-hoàn, hoặc nói là tịch diệt, hoặc nói là tịnh tức, Ngài Chân-đế cũng nói là Đại Thành Tự lạc. Tam tạng Từ Ân nói: Ba-lợi-nặc-phạ-nam, Hán dịch là Viên tịch, nghĩa là rốt ráo lìa sinh tử trần lao, nên nói là viên tịch.

Hỏi: Thể của Niết-bàn là thể?

Đáp: Kinh Niết-bàn chép : Một là tánh tịnh, hai là phương tiện. Duy Thức quyển mười chép: Có bốn thứ Niết-bàn: Là Niết-bàn tự tánh thanh tịnh, Niết-bàn Hữu dư y, Niết-bàn Vô dư y và Niết-bàn Vô trụ xứ, đều nương vào chân như lìa chướng mà kiến lập .

b. Thân thọ, vui sướng tức là thấy khác v.v...

c. Nếu thường tụng niệm Đà-la-ni này, sau khi qua đời được sinh về Tịnh độ, từ một cõi Phật đến một cõi Phật, tất cả cõi Phật hiện ánh sáng rực rỡ.

d. Thường ở chung với Phật.

g. Các Đức Phật khen ngợi.

e. Được các Đức Phật thọ ký.

Văn này giảng chung trên dưới, văn kinh nước Kế-tân có nói rõ.

13. “Lại thêm tuổi thọ, hưởng vui sướng thù thắng”. Đây là thứ mười ba sống lâu hưởng vui.

14. “Khi bỏ thân này liền được vãng sinh về các cõi nước nhiệm mầu của các Đức Phật”. Đây là thứ mười bốn sinh về các cõi nước mười phương, trước chỉ sinh về cõi Cực Lạc, nay được sinh về các cõi nước trong mười phương.

15. “Thường ở chung một chỗ với các Đức Phật”. Đây là thứ mười lăm thường gặp Như-lai.

16. “Tất cả Như-lai thường giảng nói nghĩa nhiệm mầu”: Đây là thứ mười sáu được nghe nghĩa nhiệm mầu.

17. “Tất cả Thế tôn đều thọ ký, thân có ánh sáng chiếu khắp tất cả cõi Phật”. Đây là thứ mười bảy được Thế tôn thọ ký. Trên đây tuy có mười bảy đoạn khác nhau nhưng đều nói oai nghiêm lược về sự thứ mười hai.

**“Phật dạy:** Pháp tụng chú Đà-la-ni này, trước tiên ở trước Phật làm đàn bằng đất sạch, tùy theo lớn nhỏ vuông bốn góc, rải các thứ cỏ hoa trên đàn, đốt các thứ hương thơm”.

**Lời thuật rằng:** Đây là chỉ bày phép tắc khiến trì thứ mười ba, trong tiết lớn này có chín đoạn văn kinh, một là chỉ bày cách thức lập đàn, hai là nhất tâm niệm Phật, ba là làm Mẫu Đà-la-ni, bốn là nói về tụng thần chú, năm là rải hoa trong đàn, sáu là cúng dường nhiều Đức Phật, bảy là Như-lai khen ngợi, tám là được chứng Tam-muội, chín là tổng kết nghi thức.

1. Trên đây là phần đầu: Trong văn có ba ý, một là nêu người, hai là chỉ chỗ, ba là cúng dường.

2. “Gối bên phải chাম đất, quỳ thẳng chắp tay niệm Phật”: Đây là nhất tâm niệm Phật thứ hai, nói về ba nghiệp đều tu. Gối bên phải chাম đất là thân nghiệp, nhất tâm là ý nghiệp, niệm Phật là ngữ nghiệp, giải thích như ba mật.

**Kinh Quán Phật Tam-muội chép:** Nếu người niệm Phật sẽ được thấy Phật.

**Kinh Niết-bàn chép:** Nếu có người mở kho của vua bố thí trong một tháng, ai cần thì cho, được công đức nhiều vô lượng vô biên, nhưng không bằng có người nhất tâm niệm Phật. Kinh Tăng Nhất A-hàm chép: Nếu có người đem cơm nước, thuốc thang, y phục, đồ nằm cúng dường tất cả chúng sinh trong một trăm năm, được công đức nhiều vô lượng vô

biên, nhưng không bằng công đức nhất tâm niệm Phật.

Lại nữa, Quán Kinh chép: Nếu có người niệm Phật, phải biết người này là hoa Phân-đà-lợi trong loài người, Bồ-tát Quán Âm và Thế Chí thường làm bạn với người này, sẽ ngồi đạo tràng, sinh vào chỗ các Đức Phật.

**Kinh Pháp Hoa chép:** Ta thọ ký người như vậy, đời sau thành Phật đạo, bởi tín tâm niệm Phật và giữ gìn tịnh giới.

Lại nói rằng: Nhiếp lấy không bỏ chúng sinh niệm Phật, nên nay trong đàn tâm thường niệm Phật diệt tội thắng pháp, lược qua không nói.

3. “Làm ấn Đà-la-ni, co đầu ngón tay, đè ngón tay cái lên, chắp tay để ngay ngực”: thứ ba làm mẫu Đà-la-ni, Hán dịch là Ấn đây là một trong trăm ngàn khế ấn trong môn thân mật.

4. “Lại đúng như văn kinh mà tụng chú Đà-la-ni này một trăm lẻ tám biến”. Thứ tư nói về tụng thần chú, hoặc bảy biến, hoặc mười bốn biến, hoặc hai mươi một biến, cho đến một trăm lẻ tám biến, đây là Đà-la-ni trong môn ngữ mật.

5. “Ồ trong đàn rải hoa như mưa”: Là thứ năm rải hoa trong đàn.

**Tam tạng Quạt-đa nói:** Thần chú Đà-la-ni Tập chép, có ấn Tán hoa, ấn hương thủy, nếu là tán hoa ấn mà rải hoa, thì hoa này có thể tùy ý đến cúng dường các thế giới trong mười phương.

6. “Có thể cúng dường khắp tám mươi tám Câu-chi Căng-già sa-na-do-tha trăm ngàn các Đức Phật”. Là thứ sáu cúng dường nhiều Đức Phật, đây là đại số, chỉ có các Đức Phật mới biết còn hạng phàm phu không thể suy lường, nói na-do-tha tức là đại số.

**Luận Câu-xá chép:** Ban đầu là một, không có đầu tiên nên gọi là một, mười lần một là mười, mười lần mười là một trăm, mười lần trăm là ngàn, ngàn lần ngàn là muôn, mười muôn là lạc-xoa, mười lạc-xoa là độ-lạc-xoa, mười độ-lạc-xoa là một câu-chi, mười câu-chi là một mặt-đà, mười mặt-đà là một na-dữu-đa. Tụng chú rải hoa như mưa, đều cúng dường các Đức Phật như vậy.

7. “Các Đức Phật, Thế tôn đều cùng khen rằng: Lành thay! Ít có, thật đúng là đệ tử Phật”. Thứ bảy là Như-lai khen ngợi, có khả năng nối tiếp chủng tánh Đại thừa nên gọi là Phật tử.

8. “Liền được Tam-muội Vô chướng ngại trí, được Tam-muội đại Bồ-đề tâm trang nghiêm. Thuật rằng: Thứ tám là được chứng Tam-muội. Nói trí vô chướng ngại là chánh thể vô lậu, lúc tự thân chứng lý thì trùm khắp pháp giới, cho nên nói là trí vô chướng ngại. Tam-muội là

xưa dịch, nay dịch là Tam-ma-địa, Hán dịch là Đẳng trì. Không xuống không lên, chuyên chú một cảnh tức là Tam-muội. Bồ-đề, Hán dịch là giác, tánh là bốn trí, luận Thành Duy Thức chép: Bồ-đề là bốn trí thể là tương ứng tâm phẩm, có tính chất nhóm họp sinh ra nên gọi là đại bồ-đề tâm trang nghiêm.

**Kinh Hoa Nghiêm chép:** Tâm Bồ-đề là hạt giống của tất cả các Đức Phật, sinh ra tất cả các Đức Phật, sinh ra tất cả các pháp, đó là tịnh nhãn, có khả năng thấy rõ đường tà chánh. Đó là ngôi nhà thù thắng để tất cả chúng sinh quay về, đó là mẹ hiền nuôi lớn tất cả các Bồ-tát, đó là Đại vương, chiến thắng các tâm Thanh văn, Duyên giác, đó là biển lớn, có khả năng dung nạp tất cả công đức, đó là hoa sen chẳng nhiễm tất cả pháp thế gian. Đó là kềm bén, khéo nhổ tất cả mũi nhọn phiền não, đó là mũi nhọn có công năng đâm chết tất cả giặc phiền não, đó là búa rìu có công năng chặt đứt cây vô trí, đó là bàn tốt có khả năng vượt qua vô lượng nạn sinh tử, đó là trống pháp để giác ngộ chúng sinh ngủ mê trong đêm dài. Này người Thiện nam, thí như có người được thuốc giải thoát, thì không bao giờ bị chết ngang trái, Bồ-tát ma-ha-tát được thuốc trí tuệ tâm Bồ-đề nhiệm mầu thì sinh tử hoạn nạn không bao giờ hại được. Này người Thiện nam, thí như có người cầm thuốc ẩn thân, tất cả chúng sinh không thể thấy được họ. Bồ-tát ma-ha-tát cũng như vậy, được thuốc Bồ-đề ẩn thân, thì tất cả các ma không thấy được. Này người Thiện nam, như ngọc báu lưu ly ở chỗ bất tịnh trăm ngàn năm mà không bị nhiễm, ngọc tâm Bồ-đề cũng như vậy, ở trong cõi Dục trăm ngàn năm mà không bị nhiễm năm dục, bởi tánh Bồ-đề là thanh tịnh. Này người Thiện nam! Thí như một lượng thuốc ha-la-sa biến thành ngàn lượng đồng để làm vàng ròng, mà đối với phần thuốc kia không bị tổn giảm, thuốc tâm Bồ-đề cũng như vậy, trừ diệt tất cả nghiệp chướng phiền não, được tất cả pháp đồng tát-bà-nhã, nghiệp ác phiền não không thể làm tổn giảm.

Thí như có người học kỹ thuật lớn, tuy chưa được rốt ráo, mà các thợ khéo khác không thể sánh bằng. Bồ-tát ma-ha-tát cũng như vậy, học tâm Bồ-đề tuy chưa rốt ráo, nhưng Thanh văn, Duyên giác không thể sánh bằng. Này người thiện nam, thí như Thái tử vừa sinh ra đã được đại thần tôn quý, Bồ-tát cũng như vậy, vừa phát tâm Bồ-đề đã được Thanh văn, Duyên giác tôn trọng, vì có tâm đại bi. Thí như Vương tử tuổi tuy còn nhỏ mà tất cả đại thần đều kính lễ, Bồ-tát cũng như vậy. Thí như kim cương tuy sức phá nhỏ mà tất cả vật báu không thể sánh bằng, tâm Bồ-đề cũng vậy, tuy có chút biếng nhác nhưng Thanh văn,

Duyên giác không thể sánh bằng. Thí như kim cương có thể làm cho được các khổ nghèo cùng, tâm Bồ-đề cũng vậy, tuy mất chút oai nghi nhỏ, nhưng vẫn dứt được sự khổ nghèo cùng, thí như kim cương chẳng phải người thường có được, tâm Bồ-đề cũng như vậy, chúng sinh tâm nhỏ nhen chẳng thể sánh bằng, cho nên nói rằng được Tam-muội tâm bồ-đề trang nghiêm.

9. “Cách Trì Đà-la-ni này nên thực hành như vậy”. Là thứ chín tổng kết ý nghĩa.

Trên đây tuy có chín đoạn khác nhau, tóm lại đã nói xong phần chỉ bày nghi quỹ dạy thọ trì thứ mười ba.

**XIV. “Phật dạy Thiên-đế:** Ta dùng phương tiện này khiến tất cả chúng sinh bị đọa vào địa ngục đều được giải thoát”. Đây là thứ mười bốn nêu bày công đức, trong đây có năm đoạn văn kinh. Tổng kết công năng, thanh tịnh đường ác, hiện đời tăng thọ, phó chúc cho Thiên-đế và trao cho Thiện Trụ ”.

1. Đây là thứ nhất tổng kết công năng: trong văn có ba: Dứt địa ngục, dứt nợ quĩ và dứt súc sinh.

2. “Tất cả đường ác cũng được thanh tịnh”. Đây là thanh tịnh đường ác thứ hai.

3. “Lại khiến người trì chú được tăng tuổi thọ”: Đây là hiện đời tăng thọ thứ ba.

4. “Thiên-đế! ông nên đem chú Đà-la-ni của ta”: Đây là phó chúc cho Thiên-đế thứ tư.

5. “Trao cho Thiên Tử Thiện Trụ, bảy ngày sau ông và Thiện Trụ cùng đến gặp ta”. Đây là trao cho Thiện Trụ thứ năm.

Trên đây có năm đoạn khác nhau, nhưng đều nói về công đức trao cho thứ mười bốn.

Trên đây tuy có mười bốn đoạn văn kinh khác nhau nhưng đều nói về phần chánh tông trong Thánh giáo sở thuyết thứ hai. “Bấy giờ Thiên-đế ở chỗ Thế tôn thọ pháp Đà-la-ni rồi, vui mừng vâng làm và trở về cõi trời của mình”. Đây là phần y theo lời dạy vâng làm, có mười một đoạn. Thiên-đế trở về cung, trao cho Thiện Trụ, vâng giữ mãi nguyện, giải thoát các khổ, được tăng tuổi thọ, khen ngợi thần lực, giữ gìn báo ân, vui mừng nghe pháp, Như-lai thọ ký, hiển bày tên kinh và Đại chúng lưu thông.

1. Trên đây là thứ nhất: Thiên-đế trở về cung.

2. “Trao cho Thiên tử Thiện Trụ. Bấy giờ Thiên tử Thiện Trụ nhận chú Đà-la-ni này”. Đây là trao cho Thiện Trụ thứ hai.



3. “Đủ sáu ngày sáu đêm y pháp thọ trì nên tất cả nguyện đều viên mãn: Đây là thọ trì nguyện mãn thứ ba.

4. “Tất cả sự khổ trong đường ác đáng lẽ phải chịu thì được thoát khỏi”. Đây là nói giải thoát các khổ thứ tư.

5. “Trụ trong Đạo Bồ-đề được tăng tuổi thọ vô lượng”: Đây là nói được tăng tuổi thọ thứ năm.

6. “Thiện Trụ rất vui mừng, lớn tiếng khen ngợi rằng, lành thay! Như-lai! Pháp mầu ít có, kinh nghiệm ít có, rất là khó được, giúp con được giải thoát”. Đây là thứ sáu khen ngợi thần lực.

7. “Bấy giờ, Đế-thích bảy ngày sau cùng Thiên tử Thiện Trụ và các vị trời cầm các thứ như: tràng hoa, hương xoa, hương bột, lọng báu, cờ phướn, y trời, anh lạc, các thứ trang nghiêm nhiệm mầu đến chỗ Thế tôn dâng lên cúng dường, rồi đi nhiều trăm ngàn vòng”. Đây là nói cúng dường báo ân thứ bảy; trong đây có hai; một là cúng dường, hai là đi nhiều.

**Kinh Đề-vị chép:** hành đạo có ba phẩm là: thượng, trung và hạ; bậc thượng thì một trăm vòng, bậc trung thì ba mươi vòng, bậc hạ thì mười vòng, nên thực hành một trăm ngày.

8. “Ở trước mặt Phật vui mừng hơn hở và ngồi nghe pháp”. Đây là nói vui mừng nghe pháp thứ tám.

9. “Bây giờ, Đức Thế tôn đưa cánh tay sắc vàng xoa đầu Thiên tử Thiện Trụ và nói pháp thọ ký Bồ-đề”. Đây là nói Như-lai thọ ký thứ chín.

10. “**Phật dạy:** Kinh này tên là Tịnh Nhất Thiết Ác Đạo Phật Đánh Tôn Thắng Đà-la-ni, ông nên thọ trì”. Đây là nói về tên kinh thứ mười.

11. “Bấy giờ, Đại chúng nghe Phật dạy xong đều rất vui mừng tín nhận vâng hành”. Đây là nói đại chúng lưu thông thứ mười một. Bởi đức Điều Ngự mở mang chánh pháp khiến trời người tin nhận, cho nên vui mừng đánh lễ vâng làm.

